

**BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA
DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở TRUNG ƯƠNG**

**KẾT QUẢ
TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở
THỜI ĐIỂM 0 GIỜ NGÀY 01 THÁNG 4 NĂM 2019**

**NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ
Tháng 12/2019**

LỜI NÓI ĐẦU

Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 được tiến hành vào thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019 theo Quyết định số 772/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Đây là cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở lần thứ năm ở Việt Nam kể từ khi đất nước thống nhất vào năm 1975. Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 thu thập thông tin cơ bản về dân số và nhà ở trên toàn bộ lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phục vụ hoạch định các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và giám sát các Mục tiêu phát triển bền vững mà Chính phủ Việt Nam đã cam kết thực hiện.

Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 thu thập thông tin cơ bản về dân số và nhân khẩu học của trên 96,2 triệu người là nhân khẩu thực tế thường trú tại gần 26,9 triệu hộ dân cư sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam vào thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019. Để bổ sung thông tin đánh giá những biến động về nhân khẩu học như tình hình sinh, chết, di cư của người dân, thông tin về lao động việc làm, điều kiện sống của các hộ dân cư và một số thông tin khác, điều tra mẫu trong Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 được thực hiện với quy mô mẫu 9% hộ dân cư trên cả nước (khoảng 8,2 triệu người sinh sống tại hơn 2,3 triệu hộ dân cư). Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các công đoạn của Tổng điều tra giúp nâng cao chất lượng thông tin, minh bạch quá trình sản xuất thông tin thống kê, rút ngắn thời gian xử lý để công bố sớm kết quả Tổng điều tra và tiết kiệm kinh phí so với các cuộc điều tra và Tổng điều tra theo phương pháp điều tra truyền thống.

Kết quả sơ bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 được công bố vào ngày 11/7/2019, chỉ sau hơn hai tháng hoàn thành công tác thu thập thông tin tại địa bàn. Kết quả chính thức được tổng hợp và công bố trong ấn phẩm **“Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2019”**. Nội dung ấn phẩm trình bày về quá trình chuẩn bị, tổ chức thu thập thông tin và kết quả chính thức của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 với ba phần chính như sau:

Phần I: Thiết kế và thực hiện Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019. Phần này gồm ba chương về thiết kế Tổng điều tra; tổ chức thực hiện; đánh giá, thẩm định kết quả và bài học kinh nghiệm.

Phần II: Kết quả chủ yếu, gồm bảy chương theo các nhóm thông tin về quy mô và cơ cấu dân số; mức sinh; mức chết; di cư và đô thị hóa; giáo dục và đào tạo; lao động và việc làm; điều kiện ở và sinh hoạt của hộ dân cư.

Phần III: Biểu tổng hợp. Phần này sẽ trình bày hệ biểu được tổng hợp từ kết quả điều tra toàn bộ và kết quả điều tra mẫu.

Kết quả trình bày trong ấn phẩm được tổng hợp từ dữ liệu của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019. Số liệu so sánh với Tổng điều tra dân số và nhà ở các năm từ 1979 đến 2009 được tham khảo từ các ấn phẩm đã được công bố về kết quả Tổng điều tra của năm tương ứng. Các số liệu tham khảo khác được trích dẫn nguồn tham khảo tại mỗi phần mà ấn phẩm đề cập.

Ấn phẩm **“Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2019”** do Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương chủ trì, phối hợp với các địa phương biên soạn với sự hỗ trợ kỹ thuật của Quỹ Dân số Liên hợp quốc cùng các ý kiến góp ý của chuyên gia trong nước và quốc tế. Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương trân trọng cảm ơn sự hợp tác và hỗ trợ của Quỹ Dân số Liên hợp quốc trong thực hiện Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 nói chung và biên soạn ấn phẩm này nói riêng; trân trọng cảm ơn các chuyên gia đã hỗ trợ và đóng góp ý kiến trong quá trình thực hiện ấn phẩm này.

Ấn phẩm được biên soạn trong thời gian ngắn sau khi kết thúc công tác thu thập thông tin tại địa bàn; do vậy, khó tránh khỏi thiếu sót và hạn chế, đặc biệt đối với các yêu cầu sử dụng thông tin chuyên sâu. Chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để tiếp tục nâng cao chất lượng cho các ấn phẩm tiếp theo của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019.

BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở TRUNG ƯƠNG

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	3
DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT	11
PHẦN I. THIẾT KẾ VÀ THỰC HIỆN TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2019	19
CHƯƠNG 1: THIẾT KẾ TỔNG ĐIỀU TRA	21
1.1. Giới thiệu chung về Tổng điều tra dân số và nhà ở tại Việt Nam	21
1.2. Công tác chuẩn bị Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019	23
1.3. Thiết kế mẫu điều tra	28
1.4. Thiết lập thông tin ban đầu phục vụ Tổng điều tra năm 2019	31
CHƯƠNG 2: TỔ CHỨC THỰC HIỆN TỔNG ĐIỀU TRA NĂM 2019	34
2.1. Công tác chỉ đạo, phối hợp trong chuẩn bị và tổ chức Tổng điều tra năm 2019	34
2.2. Công tác tuyên truyền cho Tổng điều tra năm 2019	35
2.3. Công tác thu thập thông tin và giám sát điều tra	36
2.4. Giám sát, kiểm tra, xử lý và tổng hợp số liệu	38
CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ, THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM	41
3.1. Đánh giá và thẩm định kết quả Tổng điều tra năm 2019	41
3.2. Bài học kinh nghiệm	45
PHẦN II. KẾT QUẢ CHỦ YẾU	51
CHƯƠNG 4: QUY MÔ VÀ CƠ CẤU DÂN SỐ	53
4.1. Quy mô dân số	53
4.2. Mật độ dân số	55
4.3. Quy mô hộ	55
4.4. Tỷ số giới tính	57
4.5. Phân bố dân cư	59
4.6. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi và giới tính	61
4.7. Đăng ký khai sinh của trẻ em dưới 5 tuổi	65
4.8. Hôn nhân	65
4.9. Khuyết tật	70
CHƯƠNG 5: MỨC SINH	75
5.1. Tổng tỷ suất sinh	75
5.2. Tỷ suất sinh đặc trưng theo tuổi	81

5.3. Sinh con ở tuổi chưa thành niên	82
5.4. Tỷ suất sinh thô	83
5.5. Tỷ số giới tính khi sinh	85
CHƯƠNG 6: MỨC CHẾT	88
6.1. Tỷ suất chết thô	88
6.2. Tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi	90
6.3. Tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi	91
6.4. Tỷ số tử vong mẹ	92
6.5. Nguyên nhân chết	93
6.6. Tuổi thọ trung bình	95
CHƯƠNG 7: DI CƯ VÀ ĐÔ THỊ HÓA	99
7.1. Mức độ di cư theo cấp hành chính	100
7.2. Đặc trưng cơ bản của người di cư	107
7.3. Đô thị hoá và tác động của di cư đến đô thị hoá	113
CHƯƠNG 8: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	117
8.1. Tỷ lệ đi học chung và tỷ lệ đi học đúng tuổi	117
8.2. Trẻ em ngoài nhà trường	119
8.3. Tình hình biết đọc biết viết	121
8.4. Trình độ giáo dục cao nhất đạt được	123
8.5. Số năm đi học bình quân, số năm đi học kỳ vọng	126
CHƯƠNG 9: LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM	129
9.1. Lực lượng lao động	129
9.2. Việc làm	135
9.3. Thất nghiệp	141
CHƯƠNG 10: ĐIỀU KIỆN Ở VÀ SINH HOẠT CỦA HỘ DÂN CƯ	145
10.1. Tình trạng sở hữu nhà ở	145
10.2. Phân loại nhà ở	146
10.3. Điều kiện ở và sinh hoạt	151
PHẦN III. BIỂU TỔNG HỢP	155
Biểu 1. Dân số theo thành thị, nông thôn, giới tính, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	157
Biểu 2. Dân số theo dân tộc, thành thị, nông thôn và giới tính, 01/4/2019	160
Biểu 3. Dân số theo tôn giáo, thành thị, nông thôn và giới tính, 01/4/2019	162

Biểu 4.	Dân số theo nhóm tuổi, thành thị, nông thôn, giới tính và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	163
Biểu 5.	Dân số theo nhóm tuổi, giới tính, dân tộc, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	195
Biểu 6.	Tỷ lệ tăng dân số bình quân, mật độ dân số theo vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố	201
Biểu 7.	Số hộ theo thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	203
Biểu 8.	Số hộ theo quy mô số người trong hộ, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	205
Biểu 9.	Tỷ số giới tính, chỉ số già hóa dân số và tỷ trọng dân số 0-14 tuổi, 15-64 tuổi, 65 tuổi trở lên theo vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	207
Biểu 10.	Tỷ lệ dân số dưới 5 tuổi đã đăng ký khai sinh theo thành thị, nông thôn, giới tính, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	209
Biểu 11.	Dân số từ 15 tuổi trở lên theo tình trạng hôn nhân, nhóm tuổi, giới tính và thành thị, nông thôn, 01/4/2019	211
Biểu 12.	Tuổi kết hôn trung bình lần đầu theo giới tính, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	213
Biểu 13.	Tỷ lệ phụ nữ 20-24 tuổi kết hôn lần đầu trước 15 tuổi và trước 18 tuổi theo dân tộc, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	215
Biểu 14.	Tỷ lệ dân số từ 5 tuổi trở lên không gặp khó khăn về sức khỏe theo giới tính, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	218
Biểu 15.	Tỷ lệ người khuyết tật từ 5 tuổi trở lên theo thành thị, nông thôn, giới tính, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	220
Biểu 16.	Tỷ lệ phụ nữ 10-49 tuổi đã sinh con theo số con đã từng sinh, nhóm tuổi của người mẹ, thành thị, nông thôn và vùng kinh tế - xã hội, 01/4/2019	222
Biểu 17.	Tỷ lệ phụ nữ 10-49 tuổi đã sinh con theo số con hiện còn sống, nhóm tuổi của người mẹ, thành thị, nông thôn và vùng kinh tế - xã hội, 01/4/2019	224
Biểu 18.	Tỷ lệ phụ nữ sinh con lần gần nhất từ tháng 4/2017 đến tháng 3/2019 được cán bộ y tế đỡ đẻ theo dân tộc, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	226
Biểu 19.	Tổng tỷ suất sinh, tỷ suất sinh thô, tỷ số giới tính khi sinh trong 12 tháng trước 01/4/2019 theo thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố	229
Biểu 20.	Tỷ suất sinh đặc trưng theo tuổi trong 12 tháng trước 01/4/2019 theo thành thị, nông thôn và vùng kinh tế - xã hội	231
Biểu 21.	Tỷ lệ phụ nữ từ 10-17 tuổi sinh con trong 12 tháng trước 01/4/2019 theo thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố	233
Biểu 22.	Tỷ suất chết thô, tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi, tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi và tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh theo giới tính, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	235
Biểu 23.	Tỷ lệ người chết trong 12 tháng trước thời điểm điều tra theo nguyên nhân chết, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	237
Biểu 24.	Tỷ suất nhập cư, tỷ suất xuất cư và tỷ suất di cư thuần theo giới tính, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	239
Biểu 25.	Tỷ lệ dân số từ 5 tuổi trở lên theo nơi thực tế thường trú 5 năm trước thời điểm 01/4/2019	241

Biểu 26. Tỷ lệ luồng di cư theo vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	246
Biểu 27. Tỷ lệ dân số từ 5 tuổi trở lên theo tình trạng đi học, thành thị, nông thôn, giới tính, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	248
Biểu 28. Tỷ lệ đi học chung, tỷ lệ đi học đúng tuổi cấp tiểu học theo giới tính, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	250
Biểu 29. Tỷ lệ đi học chung, tỷ lệ đi học đúng tuổi cấp trung học cơ sở theo giới tính, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	252
Biểu 30. Tỷ lệ đi học chung, tỷ lệ đi học đúng tuổi cấp trung học phổ thông theo giới tính, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	254
Biểu 31. Tỷ lệ trẻ em ngoài trường theo thành thị, nông thôn, giới tính, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	256
Biểu 32. Tỷ lệ dân số trong độ tuổi đi học tiểu học nhưng không đi học theo thành thị, nông thôn, giới tính, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	258
Biểu 33. Tỷ lệ dân số trong độ tuổi đi học trung học cơ sở nhưng không đi học theo thành thị, nông thôn, giới tính, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	260
Biểu 34. Tỷ lệ dân số trong độ tuổi đi học trung học phổ thông nhưng không đi học theo thành thị, nông thôn, giới tính, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	262
Biểu 35. Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên theo tình trạng biết đọc biết viết, thành thị, nông thôn, giới tính, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	264
Biểu 36. Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên theo trình độ giáo dục cao nhất đạt được, giới tính, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	266
Biểu 37. Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên theo trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đạt được, giới tính, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	268
Biểu 38. Số năm đi học bình quân, số năm đi học kỳ vọng theo thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	271
Biểu 39. Tỷ trọng lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên theo nhóm tuổi, giới tính, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	273
Biểu 40. Tỷ lệ lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo có bằng, chứng chỉ theo giới tính, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	275
Biểu 41. Tỷ trọng lao động có việc làm theo nghề nghiệp, khu vực kinh tế, giới tính, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	277
Biểu 42. Tỷ trọng lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm theo trình độ cao nhất đạt được, thành thị, nông thôn, giới tính, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	279
Biểu 43. Tỷ trọng lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm theo nghề nghiệp, thành thị, nông thôn, giới tính, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	282
Biểu 44. Tỷ trọng lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm theo vị thế việc làm, giới tính, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	285
Biểu 45. Tỷ lệ thất nghiệp của dân số từ 15 tuổi trở lên theo nhóm tuổi, giới tính, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	287
Biểu 46. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động theo nhóm tuổi, giới tính, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	290

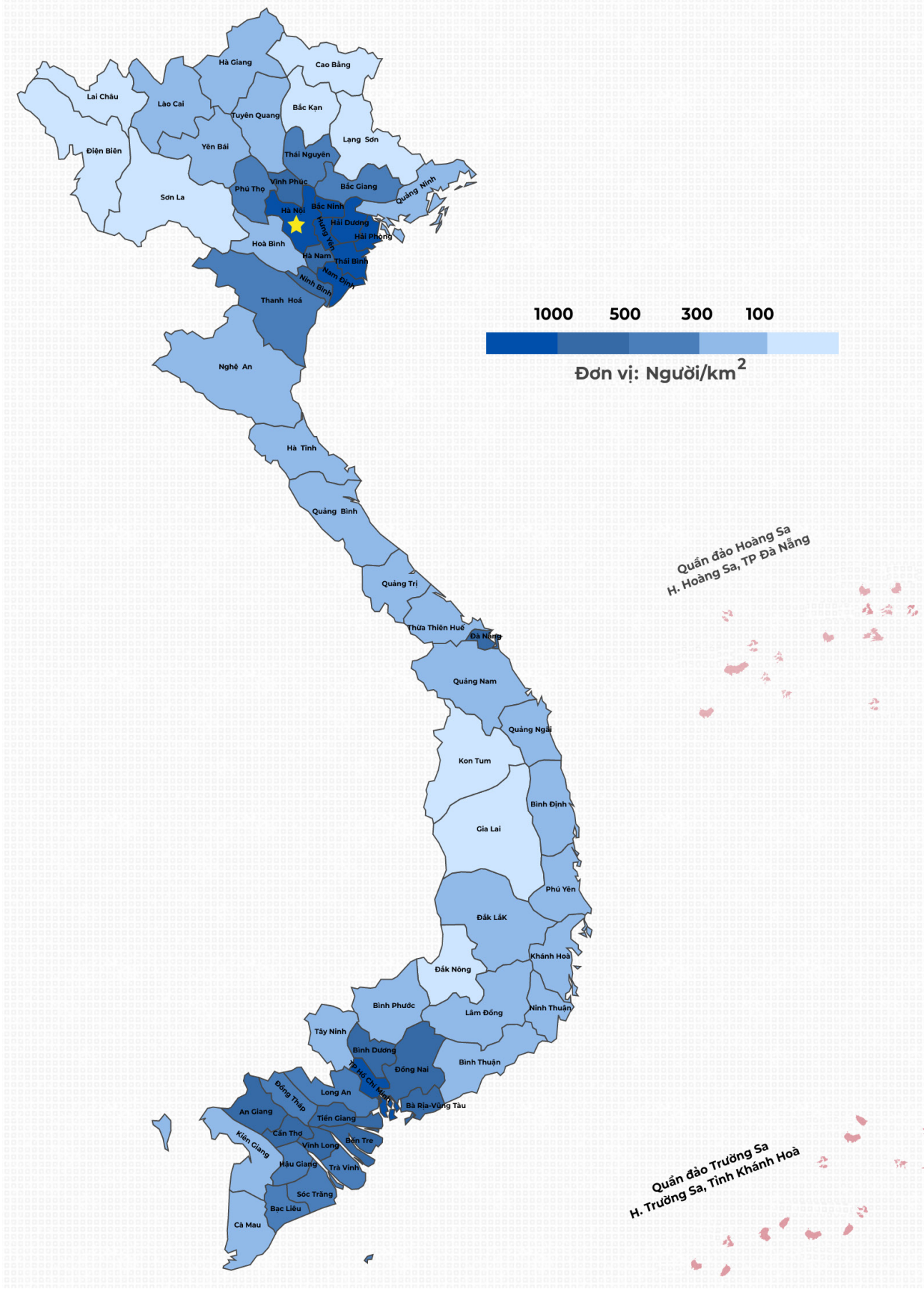
Biểu 47. Tỷ lệ thất nghiệp của dân số từ 15-24 tuổi theo thành thị, nông thôn, giới tính, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	293
Biểu 48. Số hộ và tỷ lệ hộ không có nhà ở theo thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	296
Biểu 49. Tỷ trọng hộ có nhà ở theo mức độ kiên cố của ngôi nhà, loại nhà, năm đưa vào sử dụng, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	298
Biểu 50. Tỷ trọng hộ có nhà ở theo số phòng ngủ riêng biệt, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	300
Biểu 51. Diện tích nhà ở bình quân đầu người theo loại nhà, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	302
Biểu 52. Tỷ trọng hộ có nhà ở theo diện tích nhà ở bình quân đầu người, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	304
Biểu 53. Tỷ lệ hộ có nhà ở theo năm đưa vào sử dụng, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	306
Biểu 54. Tỷ lệ hộ có nhà ở theo hình thức sở hữu, năm đưa vào sử dụng, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	308
Biểu 55. Tỷ lệ hộ có kế hoạch mua nhà/căn hộ theo thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	310
Biểu 56. Tỷ lệ hộ theo loại nhiên liệu chính dùng để thắp sáng, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	312
Biểu 57. Tỷ lệ hộ theo loại nhiên liệu chính dùng để nấu ăn, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	314
Biểu 58. Tỷ lệ hộ theo nguồn nước ăn chính, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	316
Biểu 59. Tỷ lệ hộ theo loại hố xí chính sử dụng, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	319
Biểu 60. Tỷ lệ hộ theo loại thiết bị sinh hoạt hộ đang sử dụng, thành thị, nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và tỉnh, thành phố, 01/4/2019	321
PHỤ LỤC	325
Phụ lục 1: Phiếu điều tra	327
Phụ lục 2: Một số khái niệm, định nghĩa sử dụng trong tổng điều tra	351
Phụ lục 3: Phương pháp ước lượng mức sinh và mức chết	357
Phụ lục 4: Danh sách phân bố số địa bàn mẫu theo thành thị, nông thôn, tỉnh, thành phố và quận, huyện	362
Phụ lục 5: Các bảng tính sai số mẫu	372
Phụ lục 6: Các sản phẩm của Tổng điều tra năm 2019	378

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu/Viết tắt	Giải thích/Tên đầy đủ
ASFR	Tỷ suất sinh đặc trưng theo tuổi (tiếng Anh: Age Specific Fertility Rate)
BCĐ	Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở
BCĐ TW	Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương
CAPI	Điều tra bằng phiếu điện tử trên thiết bị di động (tiếng Anh: Computer Assisted Personal Interviews)
CBR	Tỷ suất sinh thô (tiếng Anh: Crude Birth Rate)
CDR	Tỷ suất chết thô (tiếng Anh: Crude Dead Rate)
CMKT	Chuyên môn kỹ thuật
ĐBĐT	Địa bàn điều tra
ĐTV	Điều tra viên thống kê
GPS	Hệ thống định vị toàn cầu (tiếng Anh: Global Positioning System)
GSV	Giám sát viên
HDI	Chỉ số phát triển con người
HĐND	Hội đồng nhân dân
ICR	Nhận biết ký tự thông minh (tiếng Anh: Intelligent Character Recognition)
IMR	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi (tiếng Anh: Infant Mortality Rate)
LLLĐ	Lực lượng lao động
MMR	Tỷ số tử vong mẹ (tiếng Anh: Maternal Mortality Rate)
Myer	Chỉ số ưa thích tuổi
NT	Nông thôn
PAPI	Điều tra bằng phiếu giấy (tiếng Anh: Paper and Pencil Personal Interviews)
SDGs	Mục tiêu phát triển bền vững (tiếng Anh: Sustainable Development Goals)
SMAM	Tuổi kết hôn trung bình lần đầu (tiếng Anh: Singulate Mean Age at Marriage)
SRB	Tỷ số giới tính khi sinh

Ký hiệu/Viết tắt	Giải thích/Tên đầy đủ
TFR	Tổng tỷ suất sinh (tiếng Anh: Total Fertility Rate)
Tỉnh, thành phố	Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
Tổng điều tra	Tổng điều tra dân số và nhà ở
TT	Thành thị
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
Trang Web điều hành	Trang thông tin hệ thống điều hành tác nghiệp của Tổng điều tra
Trang Web tuyên truyền	Trang thông tin điện tử của Tổng điều tra
U5MR	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi (tiếng Anh: Under 5 Mortality Rate)
UBND	Ủy ban nhân dân
UNFPA	Quỹ Dân số Liên hợp quốc (tiếng Anh: United Nations Fund for Population Activities)
UNI	Chỉ số chính xác tuổi - giới tính
V-SDGs	Mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam (tiếng Anh: Vietnam Sustainable Development Goals)
Webform	Điều tra bằng phiếu điện tử trực tuyến
Whipple	Chỉ số tập trung tuổi

MẬT ĐỘ DÂN SỐ VIỆT NAM NĂM 2019





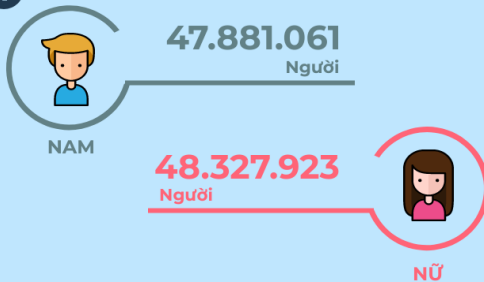
CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2019

96.208.984 người

Dân số Việt Nam thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2019

1 QUY MÔ DÂN SỐ



33.122.548
Người



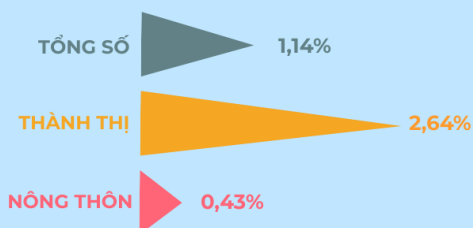
THÀNH THỊ

63.086.436
Người

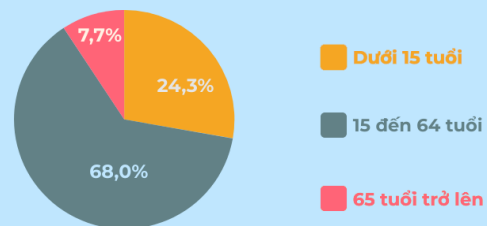


NÔNG THÔN

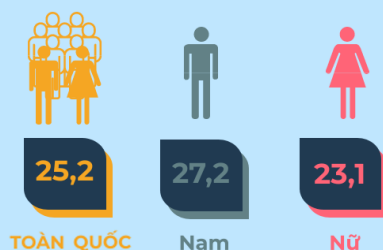
2 TỶ LỆ TĂNG DÂN SỐ BÌNH QUÂN NĂM GIAI ĐOẠN 2009 - 2019



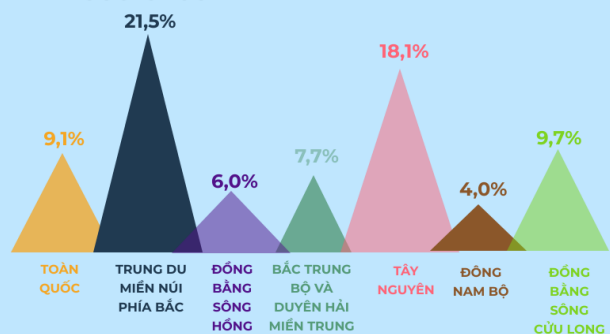
3 TỶ TRỌNG DÂN SỐ



4 TUỔI KẾT HÔN TRUNG BÌNH LẦN ĐẦU



5 TỶ LỆ PHỤ NỮ 20-24 TUỔI KẾT HÔN LẦN ĐẦU TRƯỚC 18 TUỔI

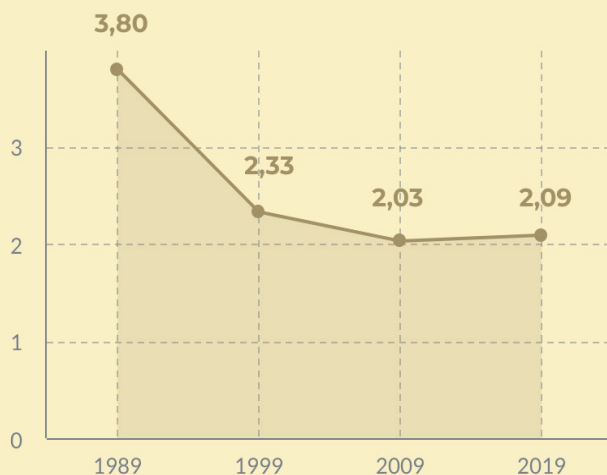




MỨC SINH

6 TỔNG TỶ SUẤT SINH

Đơn vị: Số con/phụ nữ



Tổng tỷ suất sinh theo 6 vùng kinh tế - xã hội

Đơn vị: Số con/phụ nữ

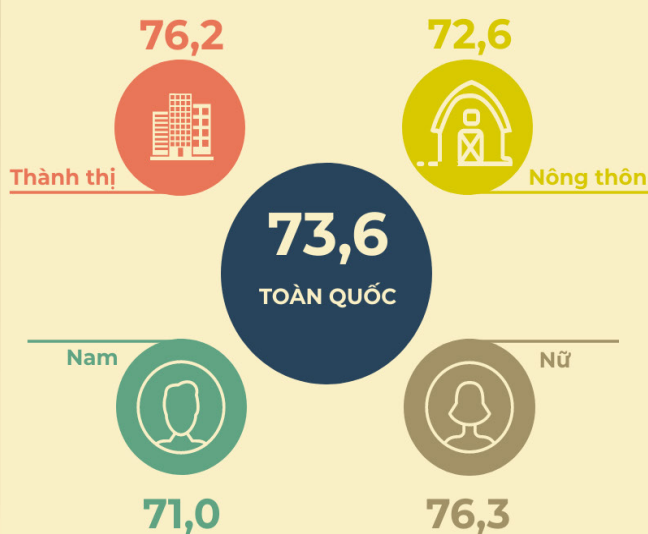


7 TỶ SỐ GIỚI TÍNH KHI SINH TOÀN QUỐC



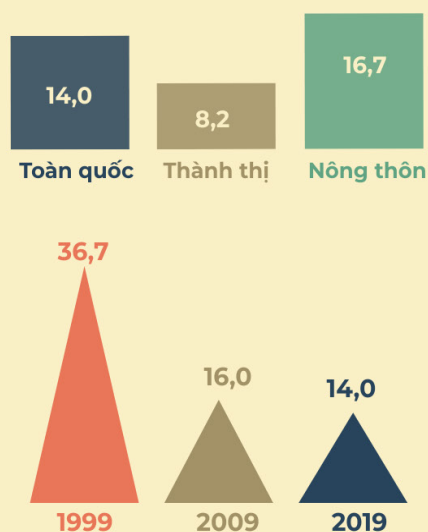
MỨC CHẾT

8 TUỔI THỌ TRUNG BÌNH TÍNH TỪ LÚC SINH



9 TỶ SUẤT CHẾT CỦA TRẺ EM DƯỚI 1 TUỔI

Đơn vị: Trẻ em dưới 1 tuổi tử vong/1000 trẻ sinh sống

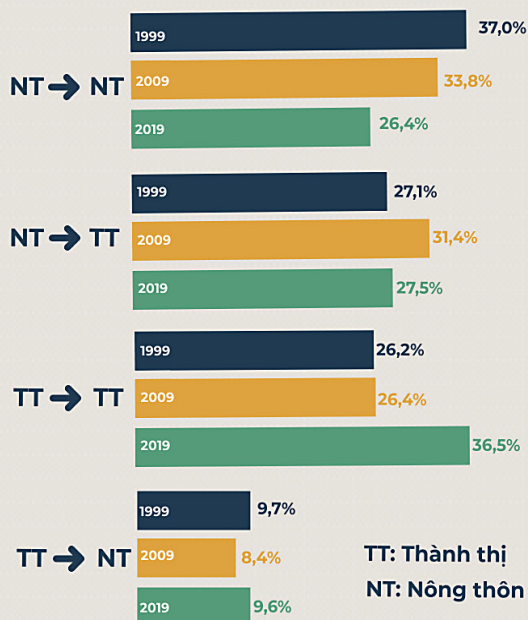


10 TỶ SỐ TỬ VONG MẸ NĂM 2009 VÀ 2019

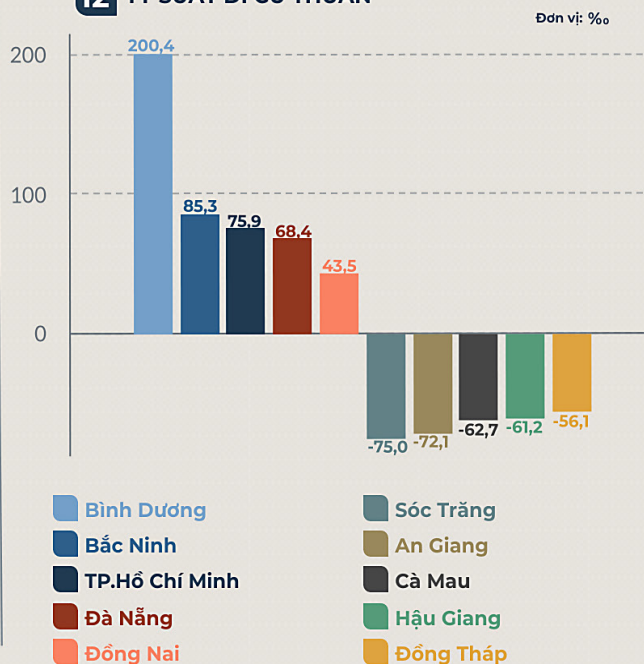


DI CƯ

11 CƠ CẤU LƯỒNG DI CƯ

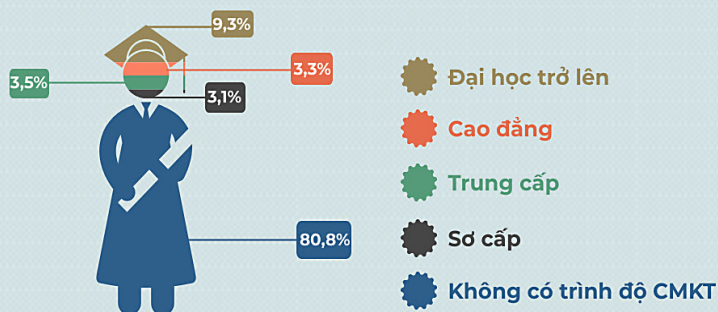


12 TỶ SUẤT DI CƯ THUẦN

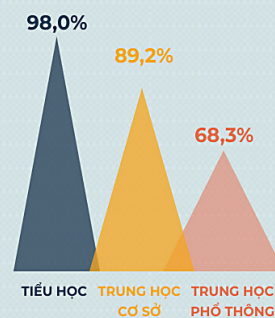


GIÁO DỤC

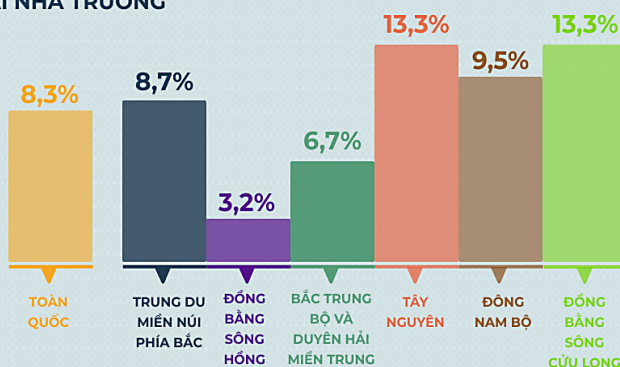
13 TỶ LỆ DÂN SỐ TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN THEO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT CAO NHẤT



14 TỶ LỆ ĐI HỌC ĐÚNG TUỔI



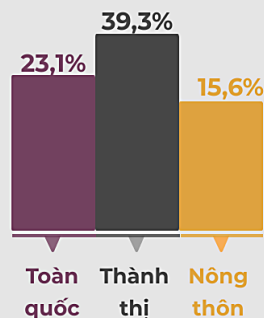
15 TỶ LỆ TRẺ EM NGOÀI NHÀ TRƯỜNG



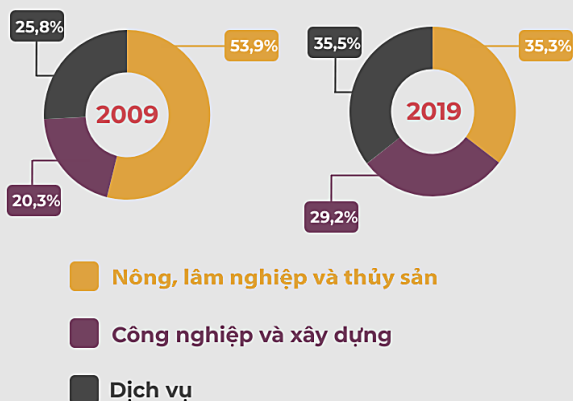


LAO ĐỘNG

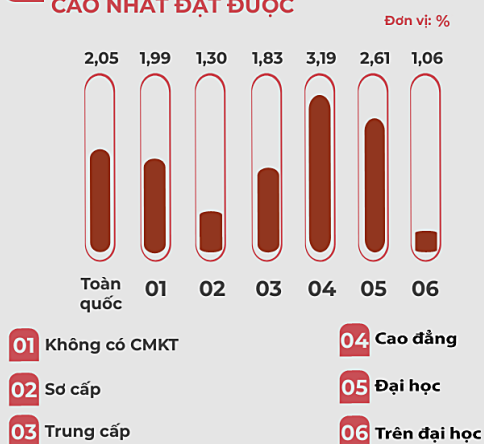
16 TỶ LỆ LAO ĐỘNG QUA ĐÀO TẠO CÓ BẰNG, CHỨNG CHỈ



17 CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU LAO ĐỘNG

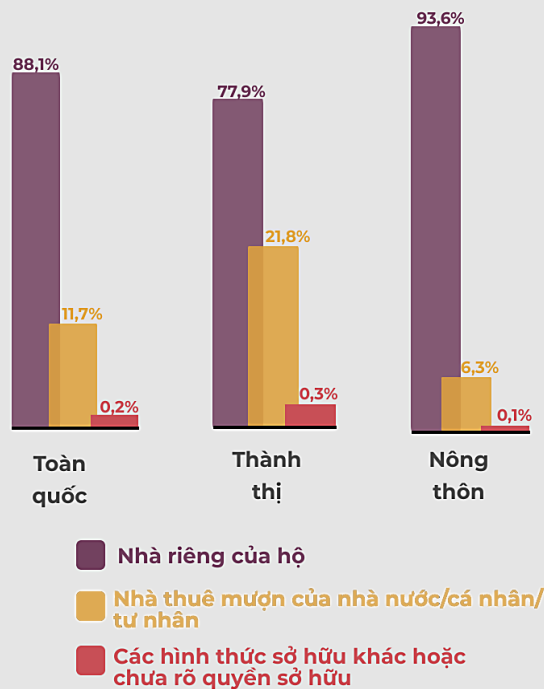


18 TỶ LỆ THẤT NGHIỆP THEO TRÌNH ĐỘ CAO NHẤT ĐẠT ĐƯỢC

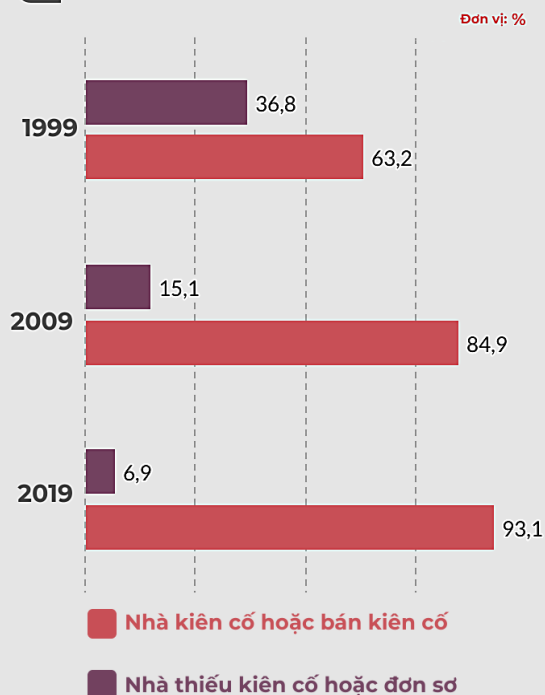


NHÀ Ở

19 TỶ LỆ HỘ CÓ NHÀ Ở THEO HÌNH THỨC SỞ HỮU



20 TỶ LỆ HỘ CÓ NHÀ Ở THEO MỨC ĐỘ KIẾN CỐ





PHẦN I

THIẾT KẾ VÀ THỰC HIỆN TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2019





Nguồn ảnh: Cục Thống kê Đà Nẵng

CHƯƠNG 1: THIẾT KẾ TỔNG ĐIỀU TRA

1.1. Giới thiệu chung về Tổng điều tra dân số và nhà ở tại Việt Nam

1.1.1. Lịch sử Tổng điều tra dân số và nhà ở tại Việt Nam

Tổng điều tra dân số và nhà ở đã được thực hiện tại Việt Nam trong nhiều thập kỷ qua nhằm cung cấp thông tin toàn bộ về tình hình dân số, các đặc điểm dân cư và tình trạng nhà ở, điều kiện sống của toàn thể người dân tại thời điểm điều tra.

Trước khi tổ chức thực hiện Tổng điều tra dân số và nhà ở trên phạm vi toàn quốc, đã có những cuộc Tổng điều tra, Tổng kiểm kê dân số trên diện rộng ở cả hai khu vực miền Bắc và miền Nam một cách riêng rẽ. Trong thời kỳ xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà (1954 - 1975), nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tiến hành hai cuộc Tổng điều tra dân số trên phạm vi toàn miền Bắc vào tháng 3/1960 và tháng 4/1974. Sau khi kết thúc chiến tranh và thống nhất đất nước vào năm 1975, để phục vụ bầu cử Quốc hội trong cả nước và thực hiện sự nghiệp kiến thiết đất nước vào năm 1975, Tổng kiểm kê dân số ở các tỉnh miền Nam đã được thực hiện vào đầu năm 1976.

Tổng điều tra dân số lần đầu tiên được tiến hành trên toàn bộ lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vào tháng 10/1979. Kết quả của cuộc Tổng điều tra đã cung cấp những thông tin cơ bản về tình hình dân số làm nền tảng xây dựng và thực hiện các quyết sách quan trọng cho công cuộc phát triển đất nước.

Tổng điều tra dân số lần thứ hai tại Việt Nam được tiến hành vào tháng 4/1989. Đây được coi là cuộc Tổng điều tra dân số hiện đại đầu tiên của nước ta khi sử dụng các khái niệm, định nghĩa, phương pháp thiết kế và quy trình xử lý số liệu được quốc tế thừa nhận. Trong đó, sử dụng đồng thời cả hai phương pháp điều tra là điều tra mẫu và điều tra toàn bộ; cỡ mẫu điều tra là 5% hộ dân cư trên cả nước và đủ đại diện để ước lượng các chỉ tiêu đến cấp tỉnh. Kết quả Tổng điều tra dân số năm 1989 đã cung cấp thông tin phong phú về nhân khẩu học, xã hội và kinh tế cho nhiều đối tượng người dùng tin.

Tổng điều tra dân số lần thứ ba tại Việt Nam được tiến hành vào tháng 4/1999. Cuộc Tổng điều tra này được đổi tên là Tổng điều tra dân số và nhà ở nhằm phản ánh đầy đủ phạm vi thông tin được thu thập. Theo đó, nhiều nội dung thông tin mới đã được thu thập bổ sung so với năm 1989. Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999 sử dụng đồng thời cả hai phương pháp điều tra là điều tra mẫu và điều tra toàn bộ; cỡ mẫu điều tra là 3% hộ dân cư trên cả nước và đủ đại diện để ước lượng các chỉ tiêu đến cấp tỉnh.

Tổng điều tra dân số và nhà ở lần thứ tư được tiến hành vào tháng 4/2009 nhằm thu thập các thông tin về dân số và nhà ở của dân cư. Cuộc Tổng điều tra này có phạm vi và nội dung rộng hơn, áp dụng công nghệ nhận biết ký tự thông minh từ phiếu điều tra (Intelligent Character Recognition - ICR) nhằm nâng cao mức độ chính xác và rút ngắn thời gian xử lý số liệu so với phương pháp nhập tin thủ công. Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 đã sử dụng đồng thời cả

hai phương pháp điều tra là điều tra mẫu và điều tra toàn bộ; cỡ mẫu điều tra là 15% hộ dân cư trên cả nước và đủ đại diện để ước lượng các chỉ tiêu đến cấp huyện.

Cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở lần thứ năm được tiến hành vào tháng 4/2019 nhằm thu thập các thông tin về dân số và nhà ở của dân cư. Đây là cuộc Tổng điều tra đầu tiên ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các công đoạn của Tổng điều tra. Trong đó, sử dụng đồng thời hai phương pháp phỏng vấn điều tra là phỏng vấn trực tiếp để điền thông tin vào phiếu hỏi điện tử với sự trợ giúp của máy tính bảng và điện thoại thông minh (còn gọi là CAPI) và điền thông tin vào phiếu giấy (còn gọi là PAPI); và hộ dân cư tự điền thông tin vào phiếu điện tử trực tuyến (còn gọi là Webform). Đây là một trong những chiến lược đột phá của Tổng điều tra năm 2019 khi lần đầu tiên Tổng cục Thống kê sử dụng hình thức CAPI và Webform trong Tổng điều tra với quy mô lớn. Việc cải tiến này đã đem lại những lợi ích thiết thực trong nâng cao chất lượng số liệu, tăng tính minh bạch và chặt chẽ của quy trình sản xuất thông tin thống kê, rút ngắn thời gian công bố kết quả Tổng điều tra, giảm kinh phí điều tra thống kê và phù hợp với xu hướng điều tra của thế giới. Kết quả, chỉ sau hơn hai tháng hoàn thành thu thập thông tin tại địa bàn, dữ liệu đã cơ bản được hoàn thiện để biên soạn báo cáo kết quả Tổng điều tra và sử dụng trong quá trình điều hành, quản lý tại cấp Trung ương và địa phương. Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 sử dụng đồng thời hai phương pháp điều tra là điều tra mẫu và điều tra toàn bộ; cỡ mẫu điều tra là 9% hộ dân cư trên cả nước và đủ đại diện để ước lượng các chỉ tiêu đến cấp huyện. Với giải pháp ứng dụng phiếu điều tra điện tử trong Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, Tổng cục Thống kê - cơ quan thường trực thực hiện Tổng điều tra vinh dự được nhận giải thưởng “Cơ quan nhà nước chuyển đổi số xuất sắc” do Hội Truyền thông số Việt Nam trao thưởng ngày 06/9/2019 nhằm tôn vinh cho sự đóng góp giá trị phát triển công nghệ số, góp phần quan trọng trong công cuộc chuyển đổi số, phát triển kinh tế số quốc gia.

1.1.2. Đối tượng và nội dung của các cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở

Trong năm cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở đã được thực hiện tại Việt Nam từ năm 1979 đến nay, đối tượng điều tra đều được quy định là tất cả những người Việt Nam thường xuyên cư trú trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến thời điểm điều tra, người Việt Nam được cơ quan có thẩm quyền cho phép xuất cảnh ra nước ngoài trong thời hạn quy định; các trường hợp chết của hộ dân cư từ ngày 01 Tết Âm lịch năm trước đến hết ngày 31/3 Dương lịch năm tiến hành Tổng điều tra; và nhà ở của hộ dân cư (từ Tổng điều tra lần thứ hai vào năm 1989 đến nay).

Nội dung chính của các cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở tại Việt Nam cũng như các nước trên thế giới là đếm số dân; ngoài ra là thu thập các thông tin về đặc điểm, chất lượng dân số, nhà ở và điều kiện sống của hộ dân cư. Nội dung của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 được nghiên cứu và xây dựng dựa trên một số yêu cầu cơ bản như: đảm bảo tính so sánh với các cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở trước đây; đáp ứng yêu cầu thông tin phục vụ xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025; đáp ứng yêu cầu thông tin tính toán một số chỉ tiêu phục vụ giám sát tiến trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam (V-SDGs). Nội dung chính của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 gồm 10 nhóm thông tin sau:

- Thông tin chung về dân số;
- Mức độ sinh, chết và phát triển dân số;
- Trình độ giáo dục, đào tạo;
- Tình trạng khuyết tật;
- Tình trạng hôn nhân;
- Tình trạng di cư;
- Tình hình đăng ký khai sinh của trẻ em;
- Tình hình lao động - việc làm;
- Thực trạng về nhà ở;
- Điều kiện sinh hoạt cơ bản của hộ dân cư.

1.2. Công tác chuẩn bị Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019

Căn cứ Luật Thống kê và Luật Nhà ở, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản chỉ đạo tổ chức thực hiện Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019. Trong đó, Quyết định số 772/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức Tổng điều tra dân số và nhà ở (viết gọn là Tổng điều tra) năm 2019 là căn cứ pháp lý quan trọng để xây dựng Phương án Tổng điều tra, thực hiện công tác chuẩn bị và tổ chức Tổng điều tra. Phương án Tổng điều tra năm 2019 được ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-BCĐTW ngày 15/8/2018 là căn cứ để triển khai các công việc theo đúng lộ trình và nội dung quy định.

1.2.1. Hoàn thiện hệ thống tổ chức triển khai Tổng điều tra năm 2019

Quyết định số 772/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức Tổng điều tra năm 2019 đã quy định Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (viết tắt là BCĐ TW) gồm có 15 thành viên do đồng chí Vương Đình Huệ, Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban; đồng chí Nguyễn Chí Dũng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm Phó Trưởng ban thường trực; đồng chí Nguyễn Bích Lâm, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê làm Phó Trưởng ban; và 12 đồng chí đại diện Lãnh đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ làm ủy viên. BCĐ TW đã ban hành Quyết định thành lập Văn phòng BCĐ TW để giúp việc cho BCĐ TW thực hiện tổ chức Tổng điều tra năm 2019. Văn phòng BCĐ TW gồm 26 đồng chí đại diện các đơn vị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) và các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan trong tổ chức thực hiện cuộc Tổng điều tra.

Phương án Tổng điều tra năm 2019 được ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-BCĐTW ngày 15/8/2018 của Trưởng ban BCĐ TW đã quy định về việc thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã. Trong đó, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh và cấp huyện được thành lập Văn phòng Ban Chỉ đạo cùng cấp để giúp việc cho Ban Chỉ đạo cùng cấp về công tác chỉ đạo, thực hiện Tổng điều tra tại địa phương.

Trong cuộc Tổng điều tra năm 2019, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Bộ Ngoại giao thực hiện kế hoạch riêng về điều tra số nhân khẩu trong phạm vi quản lý của các Bộ theo phân công của BCĐ TW.

Đồng thời, Bộ Công an có nhiệm vụ bảo vệ an toàn cho Tổng điều tra trên phạm vi cả nước. Để thực hiện các nhiệm vụ này, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Bộ Ngoại giao đã thành lập Ban Chỉ đạo Tổng điều tra của Bộ mình và thực hiện các nhiệm vụ được giao.

1.2.2. Điều tra thí điểm, điều tra tổng duyệt

Để nghiên cứu ứng dụng triệt để những lợi thế của công nghệ thông tin, đổi mới quy trình và nội dung, Tổng điều tra năm 2019 thực hiện bốn cuộc điều tra thí điểm và một cuộc điều tra tổng duyệt trong các năm 2017 và năm 2018. Cụ thể như sau:

Điều tra thí điểm lần thứ nhất vào năm 2017¹ được tiến hành tại bốn tỉnh: Yên Bái, Thanh Hóa, Bình Định và Cà Mau nhằm thử nghiệm tính khả thi của CAPI, quy trình quản lý điều tra ứng dụng công nghệ thông tin và một số thông tin cần thu thập. Trong phạm vi thí điểm lần này, việc thử nghiệm CAPI mới dừng ở mức độ kiểm định khả năng thích nghi của lực lượng điều tra khi chuyển từ PAPI sang CAPI với các thiết bị được cung cấp sẵn, chưa thí điểm sự đồng bộ của hệ thống giữa CAPI và Trang hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp (Trang Web điều hành) cho công tác đồng bộ dữ liệu, kiểm tra, hoàn thiện và duyệt dữ liệu.

Điều tra thí điểm lần thứ hai² được tổ chức vào tháng 3/2018 tại Hà Nội và Hà Giang nhằm kiểm tra phần mềm CAPI, Trang Web điều hành, sự thích ứng của hệ thống khi nhiều điều tra viên thống kê (viết tắt là ĐTV) đồng thời thực hiện điều tra tại một thời điểm, kiểm tra tính khả thi của việc sử dụng thiết bị di động cá nhân của các ĐTV và thử nghiệm thu thập một số thông tin được bổ sung so với Điều tra thí điểm năm 2017. Điều tra thí điểm lần thứ hai được thực hiện đồng thời (cùng một thời điểm) tại toàn bộ các hộ dân cư trên địa bàn các xã, phường được chọn nhằm kiểm tra năng lực của hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin. Thí điểm sử dụng thiết bị di động cá nhân của ĐTV đã cung cấp bằng chứng về tính khả thi của việc áp dụng hình thức này trong Tổng điều tra năm 2019. Việc tổ chức Điều tra thí điểm tại hai địa phương có sự khác biệt đáng kể về tiếp cận công nghệ thông tin đã đưa ra những kết quả quan trọng và là cơ sở để BCĐ TW khuyến khích các địa phương áp dụng rộng rãi CAPI trong Tổng điều tra năm 2019. Ngoài ra, Điều tra thí điểm lần thứ hai cũng đã thử nghiệm hình thức hộ dân cư tự cung cấp thông tin trên Webform tại cả hai địa phương thực hiện thí điểm. Do số lượng các hộ dân cư đăng ký và thực hiện Webform quá nhỏ nên kết quả của điều tra thí điểm chưa đủ thông tin để khẳng định việc thực hiện Webform sẽ mang lại nhiều giá trị gia tăng cho cuộc Tổng điều tra này cũng như các bài học kinh nghiệm cần được xem xét trong thiết kế và thực hiện điều tra Webform.

Điều tra thí điểm lần thứ ba³ được tổ chức vào tháng 5/2018 tại một khu chung cư cao cấp của Hà Nội nhằm kiểm tra tính khả thi của hình thức điều tra Webform. Kết quả cho thấy, mặc dù tỷ lệ đăng ký và hoàn thành phiếu Webform cao hơn so với Điều tra thí điểm lần thứ hai nhưng vẫn còn nhiều vấn đề cần lưu ý liên quan đến quá trình thiết kế và áp dụng hình thức này trong Tổng điều tra, đặc biệt là việc đảm bảo chất lượng thông tin được cung cấp.

¹ Theo Quyết định số 1160/QĐ-TCTK ngày 02/8/2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê. Điều tra thí điểm năm 2017 được tiến hành theo hai giai đoạn: giai đoạn 1 trong tháng 9/2017 tại Bình Định và Cà Mau; giai đoạn 2 trong tháng 10/2017 tại Yên Bái và Thanh Hóa. Mỗi tỉnh điều tra bốn địa bàn tại bốn xã/phường thuộc hai huyện.

² Theo Quyết định số 66/QĐ-TCTK ngày 23/02/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

³ Theo Quyết định số 376/QĐ-TCTK ngày 24/5/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

Ba cuộc điều tra thí điểm đầu tiên của Tổng điều tra năm 2019 có một đặc điểm chung là sử dụng CAPI với nền tảng CPro miễn phí do Cục Tổng điều tra Mỹ xây dựng và áp dụng cho các thiết bị di động hệ điều hành Android. Dữ liệu đồng bộ từ CAPI về máy chủ của Tổng cục Thống kê với hệ thống quản lý dữ liệu SQL đã không đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi dữ liệu đồng thời (real time) giữa công tác thực địa (do ĐTV thực hiện) và công tác kiểm tra trực tuyến (do giám sát viên các cấp thực hiện). Ngoài ra, do Tổng điều tra năm 2019 huy động một lực lượng lớn ĐTV nên số lượng ĐTV sử dụng thiết bị di động hệ điều hành iOS cũng rất lớn. Cuộc Điều tra thí điểm lần thứ tư⁴ được thực hiện vào tháng 11/2018 tại tỉnh Quảng Ninh (sau khi thực hiện xong Điều tra tổng duyệt) nhằm kiểm tra phần mềm CAPI được xây dựng trên nền tảng mới với quá trình điều tra do Trung tâm Tin học Thống kê Khu vực I, Tổng cục Thống kê chủ trì xây dựng. Các phần mềm CAPI được xây dựng và thử nghiệm cho cả hai hệ điều hành Android và iOS. Kết quả thí điểm đã giúp đơn vị xây dựng phần mềm hoàn thiện chương trình CAPI phục vụ thực hiện Tổng điều tra năm 2019.

Để hoàn thiện các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thu thập, tổng hợp kết quả, nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực tổ chức chỉ đạo cho các cán bộ nòng cốt của BCĐ TW, Ban Chỉ đạo tại các Bộ và các địa phương, BCĐ TW đã phối hợp với các địa phương tổ chức Điều tra tổng duyệt⁵ vào tháng 10/2018 tại bốn địa phương: Quảng Ninh, Quảng Nam, Đắk Lắk và Cần Thơ. Điều tra tổng duyệt Tổng điều tra năm 2019 thực hiện đầy đủ các quy trình, công đoạn của một cuộc Tổng điều tra, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin trong các công đoạn của Tổng điều tra. Kết quả của Điều tra tổng duyệt đã giúp BCĐ TW, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở (viết tắt là BCĐ) cấp tỉnh và các Bộ nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực tổ chức và đúc kết những bài học kinh nghiệm quan trọng để triển khai chỉ đạo và thực hiện Tổng điều tra bắt đầu từ ngày 01/4/2019.

Bên cạnh bốn cuộc điều tra thí điểm và một cuộc điều tra tổng duyệt của Tổng điều tra năm 2019, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình⁶ thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2018 tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với cỡ mẫu khoảng 1,2% dân số cũng đã giúp các địa phương bước đầu nắm bắt được hình thức CAPI và chuẩn bị áp dụng cho Tổng điều tra năm 2019.

1.2.3. Xây dựng phiếu điều tra và các tài liệu hướng dẫn

1.2.3.1. Phiếu điều tra

Nội dung thông tin của Tổng điều tra năm 2019 được nghiên cứu, thiết kế để thu thập đầy đủ thông qua hai loại phiếu điều tra là phiếu toàn bộ và phiếu mẫu. Trong đó, 22 câu hỏi được thiết kế trong phiếu toàn bộ và 65 câu hỏi được thiết kế trong phiếu điều tra mẫu.

Do ứng dụng công nghệ thông tin trong Tổng điều tra năm 2019 nên phiếu điều tra đã được thiết kế theo ba giai đoạn: Giai đoạn 1, thiết kế phiếu điều tra với đầy đủ thông tin về câu hỏi,

⁴Theo Quyết định số 04/QĐ-BCĐTW ngày 05/11/2018 của Trưởng ban, BCĐ TW.

⁵Theo Quyết định số 02/QĐ-BCĐTW ngày 15/8/2018 của Trưởng ban, BCĐ TW.

⁶Theo Quyết định số 76/QĐ-TCTK ngày 02/3/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

phương án trả lời và các bước nhảy, giai đoạn này được thực hiện như các cuộc Tổng điều tra và điều tra mẫu thống kê; Giai đoạn 2, nghiên cứu thiết kế phiếu hỏi dưới dạng phiếu điện tử cho phần mềm CAPI và Webform, trong đó phiếu điều tra Webform được thiết kế chỉ áp dụng với phiếu ngắn; Giai đoạn 3, xây dựng thuật toán kiểm tra lô gíc các thông tin trong cùng phiếu điều tra (các thông tin bắt buộc phải xác minh để sửa và những thông tin cảnh báo để kiểm tra).

Thiết kế phiếu điều tra giai đoạn 1 được thực hiện song song với quá trình thực hiện các cuộc điều tra thí điểm để bổ sung, sửa đổi các câu hỏi cho phù hợp với yêu cầu thông tin và đảm bảo chất lượng thông tin được thu thập.

Cùng với quá trình thiết kế phiếu điều tra giai đoạn 3, thuật toán kiểm tra lô gíc các thông tin trong cùng địa bàn điều tra cũng được xây dựng nhằm thực hiện kiểm tra dữ liệu đã được thu thập và đồng bộ trên Trang Web điều hành.

1.2.3.2. Tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ và công nghệ thông tin

BCĐ TW đã chỉ đạo thực hiện biên soạn các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ và công nghệ thông tin để các BCĐ cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện công tác chuẩn bị và tiến hành điều tra. Tổng số có 13 loại tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ và công nghệ thông tin được biên soạn và hướng dẫn thực hiện từ tháng 8/2018 đến tháng 01/2019 liên quan đến các nhóm nội dung sau: Công tác chuẩn bị địa bàn điều tra, công tác quản lý, lập và cập nhật bảng kê, chuyên môn nghiệp vụ, công nghệ thông tin, tuyên truyền, phúc tra, ghi mã ngành, mã nghề.

BCĐ TW đã phối hợp với Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) hoàn thiện kịch bản phim và bộ phim hướng dẫn ĐTV thực hiện phỏng vấn và ghi chép thông tin bằng CAPI. Bộ phim có thời lượng 30 phút được sử dụng trong quá trình tập huấn cho các ĐTV tại địa phương.

1.2.4. Xây dựng các chương trình và phần mềm ứng dụng

Thay đổi về phương pháp và hình thức thu thập thông tin trong Tổng điều tra năm 2019 đã dẫn đến việc thực hiện các công đoạn khác của Tổng điều tra cũng thay đổi theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin, gồm: lập và cập nhật bảng kê hộ, lưu trữ và sử dụng sơ đồ nền xã/phường; chọn mẫu hộ tự động; nhắn tin đến các hộ đăng ký tự cung cấp thông tin trực tuyến; kiểm tra và duyệt số liệu trực tuyến (ngay trong thời gian thu thập thông tin). Để đáp ứng các yêu cầu này của Tổng điều tra năm 2019, nhiều chương trình và phần mềm đã được nghiên cứu xây dựng và ứng dụng thực hiện. Trong đó, các nhóm phần mềm ứng dụng chính trong Tổng điều tra gồm:

- Lập danh sách thôn, bản, tổ dân phố;
- Phân chia địa bàn điều tra và lưu trữ bản đồ nền xã/phường;
- Lập bảng kê hộ; Cập nhật bảng kê hộ; Chọn hộ mẫu tự động;
- Phiếu điện tử CAPI;
- Phiếu điện tử trực tuyến Webform;
- Nhập tin phiếu PAPI;
- Thiết lập mạng lưới các địa bàn điều tra và lực lượng điều tra;

- Các phần mềm phục vụ Trang Web điều hành;
- Ghi mã ngành, mã nghề;
- Chuyển đổi phiếu PAPI trên Trang Web điều hành phục vụ thanh tra, kiểm tra, hoàn thiện phiếu.

1.2.5. Chuẩn bị hạ tầng công nghệ thông tin

Việc ứng dụng CAPI, Webform để thu thập thông tin đã phát sinh yêu cầu mới về hạ tầng công nghệ thông tin nhằm đảm bảo hệ thống được thực hiện đồng thời trên phạm vi toàn quốc với khoảng 150 nghìn người cùng tham gia hệ thống (gồm các ĐTV, giám sát viên và thành viên các BCD từ cấp Trung ương đến cấp xã).

Do đây là lần đầu tiên áp dụng CAPI, Webform trong thu thập thông tin và thực trạng hạ tầng công nghệ thông tin của ngành Thống kê không đáp ứng đủ yêu cầu công việc, BCD TW đã chỉ đạo thực hiện đồng thời nhiều biện pháp khắc phục, trong đó bao gồm nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin của ngành Thống kê và tìm kiếm các dịch vụ cung cấp hệ thống máy chủ và nhận dữ liệu từ CAPI và Webform. Để phòng ngừa các rủi ro và đảm bảo an toàn, bảo mật dữ liệu, Tổ ứng cứu khẩn cấp Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 đã được thành lập⁷ với sự vào cuộc tích cực của Trung tâm ứng cứu khẩn cấp sự cố máy tính Việt Nam thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

Bên cạnh đó, BCD TW cùng với Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Công an đã thực hiện kiểm tra, thẩm định các phần mềm Tổng điều tra năm 2019 nhằm đảm bảo tính an toàn và bảo mật hệ thống và thông tin.

1.2.6. Công tác chuẩn bị của ba Bộ thực hiện Tổng điều tra năm 2019 theo kế hoạch riêng

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Bộ Ngoại giao đã rất tích cực thực hiện các công tác chuẩn bị cho Tổng điều tra năm 2019. Cụ thể như sau:

Bộ Quốc phòng hoàn thiện phiếu hỏi, tài liệu hướng dẫn Tổng điều tra dựa trên phiếu hỏi và các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ của BCD TW và thực hiện hướng dẫn thu thập thông tin về các nhân khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý. Do đặc thù của quân đội, Bộ Quốc phòng đã áp dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp bằng phiếu giấy để đảm bảo an toàn thông tin và bí mật quân sự. Để mã hóa thông tin điện tử, Bộ Quốc phòng đã chuẩn bị các phần mềm quét ảnh phiếu điều tra và liên tục cập nhật chương trình phần mềm quét ảnh trong quá trình thực hiện quét dữ liệu dựa trên các tình huống phát sinh.

Bộ Công an hoàn thiện các tài liệu hướng dẫn thu thập thông tin của Tổng điều tra dựa trên phiếu hỏi và tài liệu hướng dẫn của BCD TW và thực hiện hướng dẫn thu thập thông tin cho các đơn vị và người thu thập thông tin Tổng điều tra. Do đặc thù của ngành Công an, Bộ Công an đã áp dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp bằng phiếu giấy để đảm bảo an toàn và bí mật thông tin. Bộ Công an thực hiện xây dựng phần mềm nhập tin bằng bàn phím để tổ chức mã hóa dữ liệu các

⁷ Theo Quyết định số 247/QĐ-TCTK ngày 23/5/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

phiếu điều tra hoàn thành đáp ứng yêu cầu về thời gian của cuộc Tổng điều tra. Với nhiệm vụ bảo vệ an toàn cho Tổng điều tra trên phạm vi cả nước, ngay từ những ngày đầu chuẩn bị Tổng điều tra, Bộ Công an đã xây dựng kế hoạch và giao nhiệm vụ cho các đơn vị trong toàn quốc thực hiện kế hoạch bảo vệ an toàn cho cuộc Tổng điều tra và cho lực lượng tham gia Tổng điều tra.

Bộ Ngoại giao hoàn thiện phiếu hỏi, tài liệu hướng dẫn dựa trên phiếu hỏi, tài liệu hướng dẫn của BCĐ TW và thực hiện hướng dẫn thu thập thông tin cho các đơn vị và người thu thập thông tin Tổng điều tra. Bộ Ngoại giao đã xây dựng các phần mềm trực tuyến để thu thập và tổng hợp dữ liệu của Tổng điều tra, do vậy quá trình điều tra cũng là quá trình xử lý số liệu và dữ liệu sẵn sàng cho việc sử dụng ngay sau khi công tác thu thập thông tin tại địa bàn kết thúc.

1.2.7. Tổ chức các hội nghị tập huấn Tổng điều tra năm 2019

BCĐ TW và các BCĐ tại địa phương đã tổ chức các hội nghị tập huấn Tổng điều tra năm 2019 nhằm hướng dẫn công tác quản lý Tổng điều tra, quy trình và nghiệp vụ cũng như việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các công đoạn của Tổng điều tra. Trong đó, đã tổ chức các hội nghị tập huấn về công tác phân chia địa bàn điều tra và vẽ sơ đồ nền xã/phường/thị trấn tại cấp huyện vào tháng 9/2018; các hội nghị tập huấn về công tác quản lý và lập bảng kê hộ vào tháng 10 và tháng 11/2018; các hội nghị tập huấn nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ thông tin từ tháng 12/2018 đến tháng 3/2019.

1.3. Thiết kế mẫu điều tra

Tổng điều tra năm 2019 thu thập thông tin cơ bản về tình hình dân số và nhà ở của các nhân khẩu thực tế thường trú và các hộ dân cư; trong đó một số thông tin chuyên sâu về dân số, nhân khẩu học, tình trạng việc làm và điều kiện sống của hộ dân cư,... chỉ được thu thập ở một số người và hộ đại diện hay còn gọi là điều tra mẫu của Tổng điều tra. Việc thiết kế điều tra mẫu song song với điều tra toàn bộ trong Tổng điều tra vừa giúp mở rộng nội dung điều tra vừa giúp giảm nhẹ khối lượng công việc, nâng cao chất lượng thông tin điều tra, nhất là đối với các câu hỏi nhạy cảm và phức tạp; đồng thời đảm bảo tiết kiệm kinh phí và nguồn lực thực hiện Tổng điều tra.

1.3.1. Phương pháp chọn mẫu

Phương pháp chọn mẫu của Tổng điều tra năm 2019 là phương pháp chọn mẫu phân tầng hai giai đoạn. Giai đoạn 1: Xác định số địa bàn được điều tra mẫu ở mỗi huyện theo phương pháp phân bổ tỷ lệ thuận với căn bậc hai của quy mô hộ và chọn các địa bàn mẫu. Do độ biến thiên về số hộ của các địa bàn điều tra trong mỗi huyện là khá lớn nên để đạt hiệu quả về mặt thống kê, việc chọn địa bàn điều tra trong mỗi huyện được thực hiện theo phương pháp xác suất tỷ lệ với quy mô (PPS). Giai đoạn 2: Chọn mẫu hộ từ danh sách hộ của địa bàn điều tra mẫu. Các hộ mẫu được chọn hệ thống theo khoảng cách.

Điểm mạnh của phương án chọn mẫu dựa trên thiết kế mẫu phân tầng hai giai đoạn là giảm sai số thiết kế và cải thiện mức độ chính xác của các chỉ tiêu ước lượng so với phương pháp chọn mẫu chùm một giai đoạn như đã áp dụng trong Tổng điều tra năm 2009.

1.3.2. Phân bố mẫu và chọn mẫu

1.3.2.1. Phân bố mẫu

Dựa trên danh sách các địa bàn điều tra được thiết lập trong giai đoạn lập bảng kê (không bao gồm các địa bàn đặc thù, là những địa bàn chỉ gồm những người sống trong các cơ sở đặc thù như nhà chung, nhà chùa, ký túc xá, bệnh viện, doanh trại quân đội,...) thuộc 712 thành phố trực thuộc tỉnh, quận, huyện, thị xã (viết gọn là huyện), không bao gồm huyện đảo Hoàng Sa, Tổng cục Thống kê đã phối hợp với chuyên gia mẫu quốc tế của UNFPA xem xét, tính toán và xác định cỡ mẫu điều tra khoảng 9% số hộ trên cả nước. Các tính toán cho thấy với cỡ mẫu này vẫn đảm bảo tính đại diện để ước lượng các chỉ tiêu thống kê đến cấp huyện. Dựa trên ước lượng về tỷ lệ số hộ mẫu, BCĐ TW đã thực hiện phân bố số lượng địa bàn mẫu của 712 huyện.

Do quy mô dân số và hộ của các huyện là khác nhau nên việc phân bố địa bàn mẫu cho các huyện được thực hiện theo phương pháp phân bố mẫu tỷ lệ thuận với căn bậc hai của quy mô hộ (Square Root Allocation). Phương pháp này giúp tăng cỡ mẫu cho các huyện có quy mô hộ nhỏ nhất và giảm cỡ mẫu cho những huyện có quy mô hộ lớn nhất so với phương pháp phân bố mẫu theo tỷ lệ.

Thông tin của phiếu điều tra mẫu được sử dụng để ước lượng các chỉ tiêu thống kê đến cấp huyện, do đó, cần đảm bảo những huyện có quy mô hộ nhỏ sẽ có đủ mẫu điều tra đảm bảo tính đại diện. Sau khi thực hiện phân bố địa bàn mẫu điều tra, những huyện có quy mô rất nhỏ (có từ 80 địa bàn điều tra hoặc ít hơn) và được phân bố từ 85% số địa bàn trở lên đã được tăng cỡ mẫu để chọn 100% các địa bàn điều tra của huyện. Kết quả, toàn quốc có 14 huyện được chọn mẫu toàn bộ các địa bàn điều tra; những huyện có quy mô từ 81 đến 500 địa bàn điều tra được chọn bình quân là 47,2% địa bàn mẫu; những huyện có trên 500 địa bàn điều tra trở lên được chọn bình quân là 27,3% địa bàn mẫu. Tổng số địa bàn được chọn mẫu điều tra của toàn quốc là 78.702 địa bàn, chi tiết về kết quả phân bố mẫu cấp huyện được trình bày tại Phụ lục 4.

Với phương pháp này, những huyện có quy mô dân số lớn, có nhiều hộ, sẽ có tỷ lệ chọn mẫu nhỏ hơn tỷ lệ chọn mẫu chung của toàn quốc và những huyện có quy mô dân số nhỏ, có ít hộ, sẽ có tỷ lệ chọn mẫu lớn hơn tỷ lệ chọn mẫu chung của toàn quốc. Điều này giúp làm tăng tính đại diện mẫu cho tất cả các huyện đồng thời vẫn bảo đảm ý nghĩa tổng hợp cho cấp tỉnh và toàn quốc.

Do các địa bàn thành thị và nông thôn của mỗi huyện có đặc điểm khác nhau, nên việc phân bố mẫu điều tra tiếp tục được thực hiện cho các tầng là khu vực thành thị và nông thôn của từng huyện dựa trên số địa bàn điều tra đã được phân bố cho huyện đó. Việc này nhằm đảm bảo tính đại diện của mẫu thành thị và nông thôn đồng thời cải thiện hiệu quả thiết kế mẫu.

1.3.2.2. Quy trình chọn mẫu

Giai đoạn 1: Chọn mẫu địa bàn điều tra

Sau khi đã xác định số lượng địa bàn điều tra được phân bố ở tầng thành thị và nông thôn của mỗi huyện theo phương pháp thiết kế mẫu được mô tả tại mục 1.3.2.1, thực hiện chọn các địa bàn điều tra mẫu trong mỗi tầng theo phương pháp xác suất tỷ lệ thuận với quy mô hộ (Probability Proportional to Size - PPS) với các bước thực hiện như sau:

- Tách bỏ các địa bàn đặc thù của mỗi huyện để có danh sách các địa bàn thường phục vụ chọn mẫu địa bàn điều tra;

- Phân chia danh sách các địa bàn điều tra của mỗi huyện thành hai danh sách: địa bàn thành thị và địa bàn nông thôn;

- Sắp xếp lại thứ tự các địa bàn điều tra của hai danh sách địa bàn điều tra thành thị và địa bàn điều tra nông thôn theo mã xã, mã thôn, mã địa bàn;

- Tiến hành chọn mẫu địa bàn.

Kết quả thực hiện chọn mẫu giai đoạn 1: Có 78.702 địa bàn điều tra được chọn mẫu, tương ứng khoảng 40% tổng số địa bàn điều tra trên cả nước

Giai đoạn 2: Chọn mẫu hộ điều tra

Dựa trên danh sách các địa bàn điều tra được chọn ở giai đoạn 1 và danh sách hộ dân cư của các địa bàn mẫu này⁸, thực hiện lọc để loại bỏ các hộ đăng ký tự cung cấp thông tin bằng hình thức Webform để chọn mẫu 30 hộ tại mỗi địa bàn điều tra mẫu. Chọn hộ mẫu theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống và tự động trên Trang điều hành của Tổng điều tra.

Kết quả chọn mẫu giai đoạn 2: Chọn được 2.360.000 hộ mẫu (mỗi địa bàn chọn ngẫu nhiên 30 hộ mẫu), tương ứng với 9% tổng số hộ dân cư.

1.3.3. Ước tính quyền số mẫu

1.3.3.1. Xác định quyền số thiết kế (quyền số cơ bản)

Quyền số cơ bản là số nghịch đảo của xác suất chọn mẫu chung theo công thức:

$$W_{hi} = \frac{M_h \times M'_{hi}}{n_h \times M_{hi} \times m_{hi}}$$

Trong đó:

W_{hi} Quyền số cơ bản của các hộ mẫu ở địa bàn điều tra i của tầng h

n_h Số địa bàn điều tra mẫu được chọn trong tầng h

M_{hi} Tổng số hộ trong dàn mẫu giai đoạn lập bảng kê hộ của địa bàn điều tra mẫu i ở tầng h

M_h Tổng số hộ trong dàn mẫu giai đoạn lập bảng kê hộ của tầng h

m_{hi} Bảng 30, là số hộ được chọn mẫu ở địa bàn điều tra mẫu i của tầng h

M'_{hi} Tổng số hộ giai đoạn cập nhật bảng kê hộ của địa bàn điều tra mẫu i của tầng h

1.3.3.2. Xác định quyền số hộ điều chỉnh

Quyền số hộ điều chỉnh dựa trên quyền số cơ bản và số liệu tổng số hộ ở mỗi tầng từ kết quả Tổng điều tra năm 2019. Thực hiện tính quyền số hộ điều chỉnh nhằm đảm bảo tổng số hộ gia

⁸ Danh sách hộ dân cư được thiết lập trong giai đoạn cập nhật bảng kê hộ trong tháng 3/2019.

quyền từ số liệu điều tra mẫu sẽ nhất quán với số liệu chính thức của Tổng điều tra năm 2019 cho từng huyện, khu vực thành thị và khu vực nông thôn.

Quyền số hộ điều chỉnh được tính theo công thức:

$$W'_{hi} = W_{hi} \times \frac{M_{Ch}}{\sum_{ih} W_{hi} \times m_{hi}}$$

Trong đó:

W'_{hi} Quyền số điều chỉnh của các hộ mẫu ở địa bàn điều tra i của tầng h

W_{hi} Là quyền số cơ bản của các hộ mẫu ở địa bàn điều tra i của tầng h

m_{hi} Bằng 30, là số hộ được chọn mẫu ở địa bàn điều tra mẫu i của tầng h

M_{Ch} Là tổng số hộ ở tầng h từ số liệu của Tổng điều tra năm 2019

1.3.3.3. Xác định quyền số người điều chỉnh

Quyền số người điều chỉnh dựa trên quyền số hộ điều chỉnh. Thực hiện tính quyền số người điều chỉnh nhằm đảm bảo tổng số người gia quyền từ số liệu điều tra mẫu sẽ nhất quán với số người theo nhóm tuổi 10 năm và giới tính từ kết quả của Tổng điều tra năm 2019 cho từng huyện, khu vực thành thị và khu vực nông thôn.

Quyền số người điều chỉnh được tính theo công thức:

$$W_{hisa} = W'_{hi} \times \frac{P_{hsa}}{\sum_{ih} W_{hi} \times p_{hisa}}$$

Trong đó:

W_{hisa} Quyền số của mẫu của những người có giới tính s và nhóm tuổi 10 năm a của các hộ mẫu trong địa bàn điều tra mẫu i của tầng h

W'_{hi} Quyền số hộ điều chỉnh của hộ mẫu ở địa bàn mẫu i của tầng h

P_{hsa} Tổng số người có giới tính s và nhóm tuổi a của tất cả các hộ mẫu của tầng h từ kết quả Tổng điều tra năm 2019

p_{hisa} Số người có giới tính s và nhóm tuổi a của tất cả các hộ mẫu ở địa bàn điều tra mẫu i của tầng h

1.4. Thiết lập thông tin ban đầu phục vụ Tổng điều tra năm 2019

1.4.1. Công tác vẽ sơ đồ nền và phân chia địa bàn điều tra

Địa bàn điều tra (viết tắt là ĐBĐT) sử dụng trong công tác thống kê là khu vực địa lý nơi có dân cư sinh sống, có ranh giới rõ ràng hoặc tương đối rõ ràng. Về cơ bản, ĐBĐT là các thôn, buôn, xóm, ấp, bản, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, tiểu khu (viết gọn là thôn, tổ dân phố). Tổng điều

tra năm 2019 quy định mỗi ĐBĐT có quy mô trung bình khoảng 120 hộ dân cư. Trong mỗi xã, phường, thị trấn gồm nhiều ĐBĐT và ranh giới các ĐBĐT ghép lại thành bản đồ của xã, phường, thị trấn đó.

Theo phương pháp luận quốc tế, sơ đồ địa bàn điều tra sử dụng trong Tổng điều tra dân số là sơ đồ chi tiết đến từng ngôi nhà hoặc đơn vị nhà nhằm đảm bảo không tính trùng hoặc bỏ sót dân số trong quá trình điều tra thực địa. Các cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở trước đây đã thực hiện vẽ sơ đồ chi tiết ĐBĐT. Tuy nhiên, do nguồn kinh phí hạn chế hơn nhiều so với các kỳ Tổng điều tra trước, công tác vẽ sơ đồ trong Tổng điều tra năm 2019 chỉ dừng lại ở việc vẽ sơ đồ nền xã, phường, thị trấn (thể hiện rõ ranh giới giữa các ĐBĐT và các vật định hướng). Việc bỏ công đoạn vẽ sơ đồ chi tiết ĐBĐT đã giúp giảm kinh phí Tổng điều tra nhưng làm tăng nguy cơ tính trùng hoặc bỏ sót hộ và nhân khẩu trong quá trình điều tra thực địa. Để hạn chế nguy cơ này, công tác lập bảng kê danh sách các hộ dân cư đã được tập trung thực hiện tốt.

1.4.2. Lập và cập nhật bảng kê hộ

Lập bảng kê hộ là công việc rất quan trọng giúp hoàn thiện mạng lưới điều tra áp dụng CAPI và Webform trước khi thu thập thông tin, giúp cho công tác tổ chức, xây dựng kế hoạch thu thập thông tin và quản lý tốt giai đoạn thu thập thông tin tại địa bàn. Do Tổng điều tra năm 2019 không thực hiện vẽ sơ đồ chi tiết ĐBĐT nên công tác bảng kê hộ được đặc biệt quan tâm nhằm nâng cao chất lượng thông tin của bảng kê hộ, phục vụ tốt công tác thu thập thông tin. Công tác lập bảng kê hộ đã hoàn thành vào ngày 20/01/2019.

Trong quá trình lập bảng kê hộ, các hộ dân cư đã được hỏi để tự nguyện đăng ký tự cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của Tổng điều tra thông qua việc sử dụng Internet (Webform). Để hoàn thiện bảng kê hộ về những thay đổi của hộ trước thời điểm điều tra, công tác rà soát, cập nhật bảng kê hộ đã được thực hiện từ ngày 15 đến ngày 20/3/2019 tại các địa phương.

1.4.3. Xây dựng mạng lưới Tổng điều tra năm 2019

Xây dựng mạng lưới Tổng điều tra là công việc quan trọng đối với cuộc điều tra ứng dụng công nghệ thông tin trong giai đoạn thu thập số liệu. Mạng lưới điều tra giúp việc phân công, phân quyền các nhiệm vụ cho từng đối tượng tham gia Tổng điều tra một cách rõ ràng và minh bạch. Đặc biệt, mạng lưới Tổng điều tra giúp ĐTV thực hiện thu thập thông tin các hộ dân cư hoặc các địa bàn điều tra một cách chính xác, tránh điều tra trùng hoặc bỏ sót.

Mạng lưới Tổng điều tra năm 2019 gồm các thông tin:

- Danh sách bảng kê hộ, bao gồm thông tin các hộ đăng ký thực hiện Webform;
- Danh sách địa bàn điều tra gắn với danh mục hành chính từ cấp tỉnh đến cấp xã và danh mục các thôn, ấp, bản, tổ dân phố;
- Sơ đồ nền xã, phường, thị trấn;
- Danh sách ĐTV và phân công thực hiện điều tra tại các địa bàn điều tra;

- Danh sách giám sát viên (viết tắt là GSV) từ cấp Trung ương đến cấp huyện và phân công thực hiện giám sát các ĐBĐT;

- Danh sách BCD từ cấp Trung ương đến cấp xã và phân công thực hiện giám sát các ĐBĐT;

Mạng lưới Tổng điều tra được xây dựng trong giai đoạn lập bảng kê hộ, hoàn thiện trước thời điểm Tổng điều tra và cập nhật trong quá trình thu thập thông tin tại địa bàn khi có sự thay đổi về lực lượng tham gia Tổng điều tra năm 2019.

CHƯƠNG 2: TỔ CHỨC THỰC HIỆN TỔNG ĐIỀU TRA NĂM 2019

2.1. Công tác chỉ đạo, phối hợp trong chuẩn bị và tổ chức Tổng điều tra năm 2019

2.1.1. Lực lượng chỉ đạo, quản lý

Công tác chỉ đạo, phối hợp trong chuẩn bị và thực hiện Tổng điều tra năm 2019 đã được tiến hành từ năm 2017, trong đó tập trung nhiều hoạt động trọng tâm trong năm 2018. Để chuẩn bị và thực hiện Tổng điều tra năm 2019, lực lượng chỉ đạo, quản lý đã được thành lập tại bốn cấp từ Trung ương đến cấp xã và tại ba Bộ thực hiện Tổng điều tra theo kế hoạch riêng (Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Bộ Ngoại giao). Tổng số có 11.944 BCĐ các cấp (01 BCĐ TW, 03 BCĐ cấp Bộ, 63 BCĐ cấp tỉnh, 712 BCĐ cấp huyện, 11.165 BCĐ cấp xã) và 779 Văn phòng BCĐ các cấp từ Trung ương đến cấp huyện đã được thành lập với số lượng thành viên BCĐ và Văn phòng BCĐ các cấp lần lượt là 69.521 người và 8.898 người.

2.1.2. Công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện

Nhằm thống nhất trong công tác chỉ đạo thực hiện Tổng điều tra năm 2019, tỉnh ủy, thành ủy, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết tắt là UBND) đã ban hành Chỉ thị, văn bản về lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Tổng điều tra dân số và nhà ở tại địa phương; trong đó, nhấn mạnh mục đích, yêu cầu, ý nghĩa và tầm quan trọng của Tổng điều tra.

Trong quá trình thực hiện Tổng điều tra năm 2019, tỉnh ủy, huyện ủy, đảng ủy cấp xã, UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đã chỉ đạo quyết liệt các thành viên BCĐ, GSV, tổ trưởng điều tra, ĐTV cũng như các cơ quan chuyên ngành của địa phương để tổ chức thực hiện thành công cuộc Tổng điều tra năm 2019.

Ngoài ra, BCĐ cấp tỉnh đã triển khai công tác Tổng điều tra năm 2019 tới từng cơ quan, đơn vị, các sở, ban, ngành, đoàn thể từ cấp tỉnh đến cấp xã trong các kỳ họp của UBND, Hội đồng nhân dân (viết tắt là HĐND). Cụ thể, Sở Thông tin và Truyền thông tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông tổ chức rà soát mạng lưới hạ tầng viễn thông nhằm đảm bảo chất lượng kết nối Internet bằng thông rộng phục vụ Tổng điều tra, Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục, đào tạo đóng tại các địa bàn, ngành Bưu điện cũng đã tích cực hưởng ứng và cử giáo viên, sinh viên, người lao động tham gia làm ĐTV; Ngành Công an đã cử lực lượng hỗ trợ ĐTV trong quá trình tiếp cận hộ để phỏng vấn và thu thập thông tin, bảo vệ lực lượng tham gia Tổng điều tra năm 2019 tại các địa bàn khó khăn, bất ổn về chính trị, an ninh,...

Trong thời gian thu thập thông tin, Văn phòng BCĐ TW đã ban hành các văn bản chỉ đạo về nghiệp vụ, hướng dẫn ứng dụng công nghệ thông tin và văn bản chỉ đạo hoàn thiện dữ liệu sau thời gian điều tra. BCĐ cấp tỉnh đã thường xuyên nắm bắt, truyền tải kịp thời các văn bản chỉ đạo của BCĐ TW đến các BCĐ cấp dưới, các GSV, tổ trưởng và ĐTV để thực hiện.

2.2. Công tác tuyên truyền cho Tổng điều tra năm 2019

Công tác tuyên truyền cho Tổng điều tra năm 2019 đã được thực hiện sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, lực lượng vũ trang và cả hệ thống chính trị. Trong đó, các tỉnh ủy, thành ủy, UBND, BCĐ các cấp và các Bộ, ngành liên quan đã ban hành và phổ biến thực hiện Chỉ thị, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh ủy, thành ủy và UBND các cấp, phương án điều tra, kế hoạch tuyên truyền của BCĐ các cấp. Công tác tuyên truyền đã nhấn mạnh mục đích, yêu cầu, ý nghĩa và tầm quan trọng của Tổng điều tra năm 2019.

Tổng điều tra năm 2019 sử dụng tối đa các hình thức, phương tiện tuyên truyền trên phạm vi cả nước, trong đó ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền được sử dụng triệt để. Các hình thức tuyên truyền chính của Tổng điều tra năm 2019 bao gồm:

- Tuyên truyền qua các kênh trực tuyến trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê với tên miền www.gso.gov.vn, Trang thông tin điện tử của Tổng điều tra năm 2019 (Trang Web tuyên truyền) với tên miền www.tongdieutradanso.vn, Trang thông tin điện tử cấp tỉnh (UBND, Cục Thống kê, Đài Phát thanh - Truyền hình).

- Tuyên truyền qua các hình thức báo viết, báo nói và báo hình từ Trung ương đến địa phương; trong đó, bao gồm xây dựng các chuyên đề riêng về Tổng điều tra năm 2019.

- Phát trailer cổ động trên sóng truyền hình, tổ chức các tọa đàm trên truyền hình Trung ương và địa phương, phỏng vấn trên đài phát thanh, phát tin chạy chữ trong các chương trình giờ vàng của đài truyền hình,...; tuyên truyền thông qua mạng xã hội (trang Fanpage của Tổng cục Thống kê, trang Facebook của UNFPA, Twitter, Zalo,...).

- Gửi tin nhắn tuyên truyền tới các thuê bao điện thoại di động nhằm cung cấp cho nhân dân thông tin về cuộc Tổng điều tra năm 2019.

- Tuyên truyền đến các hộ dân cư và nhân dân thông qua tổ chức họp tổ dân phố, họp cộng đồng; dịch các tài liệu tuyên truyền sang tiếng dân tộc của địa phương; tuyên truyền trên hệ thống phát thanh, treo/căng băng rôn, khẩu hiệu, dán áp phích, lô gô tuyên truyền tại những nơi có nhiều người thường xuyên qua lại hoặc những địa điểm dễ thấy; chạy xe ô tô cổ động diễu hành trên các trục đường chính.

- Tổng điều tra năm 2019 đã thiết lập đường dây nóng miễn cước nhằm hỗ trợ các lực lượng tham gia Tổng điều tra về nghiệp vụ, công nghệ thông tin, các vấn đề chung của Tổng điều tra và tiếp nhận các thông tin phản ánh của nhân dân về thực hiện Tổng điều tra.

Công tác tuyên truyền đã đạt được kết quả như mong đợi, hầu hết nhân dân đều biết về Tổng điều tra năm 2019 và hưởng ứng việc cung cấp thông tin. Trong những ngày đầu thực hiện, đường dây nóng của Tổng điều tra đã tiếp nhận nhiều ý kiến phản ánh của nhân dân từ các địa phương về việc chưa thấy ĐTV đến hỏi thông tin, hình thức điều tra chưa phù hợp với quy định như đã tuyên truyền,... Qua đó, BCĐ TW đã có thêm thông tin để chỉ đạo thực hiện đúng quy định của Tổng điều tra tại các địa phương.

2.3. Công tác thu thập thông tin và giám sát điều tra

2.3.1. Lực lượng tham gia

Tổng điều tra năm 2019 trưng tập 125.358 ĐTV, trong đó có 10.983 ĐTV là giáo viên, học sinh tại các cơ sở giáo dục, đào tạo trên các địa bàn điều tra (chiếm 8,8%); độ tuổi trung bình của ĐTV là 35,8 tuổi.

Số người tham gia Tổng điều tra với vai trò là tổ trưởng điều tra và GSV các cấp là 21.587 người. Trong đó, tổ trưởng điều tra là 11.502 người, GSV cấp tỉnh là 1.823 người, GSV cấp huyện là 8.262 người.

2.3.2. Phương pháp và hình thức thu thập thông tin

Tổng điều tra năm 2019 áp dụng đồng thời hai phương pháp thu thập thông tin là điều tra trực tiếp và điều tra gián tiếp. Về hình thức thu thập thông tin, Tổng điều tra năm 2019 sử dụng ba hình thức thu thập thông tin sau:

Điều tra bằng phiếu giấy (PAPI): Là hình thức thu thập thông tin truyền thống, theo đó ĐTV đến gặp trực tiếp hộ dân cư để hỏi và ghi chép thông tin vào phiếu giấy in sẵn.

Điều tra bằng phiếu điện tử trên thiết bị di động (CAPI): Là hình thức thu thập thông tin ứng dụng công nghệ thông tin, theo đó phiếu điều tra được thiết kế sẵn để cài đặt trong máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh phục vụ cho việc ghi chép thông tin ngay trong quá trình ĐTV thực hiện phỏng vấn.

Điều tra bằng phiếu điện tử trực tuyến (Webform): Là hình thức hộ dân cư tự cung cấp thông tin về dân số và nhà ở thông qua phiếu điều tra trực tuyến. Các hộ đăng ký thực hiện Webform được cấp tài khoản và mật khẩu để đăng nhập vào hệ thống thông tin của Tổng điều tra và tự cung cấp thông tin về hộ cũng như các nhân khẩu thực tế thường trú của hộ theo phiếu điều tra.

Trong số ba hình thức thu thập thông tin kể trên, CAPI là hình thức thu thập thông tin chủ yếu của Tổng điều tra năm 2019 với 99,9% các hộ được điều tra bằng hình thức này. Tỷ lệ hộ được điều tra thông qua hình thức PAPI và Webform là rất nhỏ, đều chiếm lần lượt là 0,05% tổng số hộ trên toàn quốc.

2.3.3. Tổ chức thu thập thông tin tại địa bàn

2.3.3.1. Ban Chỉ đạo Tổng điều tra tại các địa phương thu thập thông tin

Công tác thu thập thông tin tại địa bàn đã được thực hiện đồng loạt trên cả nước ngay sau Lễ ra quân, từ 7h30 ngày 01/4 đến hết ngày 25/4/2019. Để tiếp nhận và xử lý các trường hợp phản ánh của nhân dân về việc điều tra sót, công tác thu thập thông tin bổ sung những đối tượng này được thực hiện từ ngày 26/4 đến hết ngày 02/5/2019.

Quá trình tổ chức thu thập thông tin tại địa bàn diễn ra khá thuận lợi, đảm bảo chất lượng và tiến độ. Tuy nhiên, trong quá trình thu thập thông tin tại địa bàn đã phát sinh một số vấn đề khó

khẩn cho công tác thu thập thông tin. BCĐ TW đã cùng với BCĐ các cấp tại địa phương phối hợp với các Bộ, ban, ngành tìm cách tháo gỡ nhằm đảm bảo tiến độ và chất lượng thông tin của Tổng điều tra. Cụ thể, một số khó khăn đã xảy ra và được giải quyết kịp thời, đó là:

- Việc tiếp cận hộ tại một số địa phương còn gặp khó khăn, đặc biệt ở những vùng sâu vùng xa, nơi dân cư sống thưa thớt hoặc những hộ thường xuyên đi vắng, đi làm về muộn, hộ sống tại các khu chung cư cao cấp hoặc những hộ dân đang có mâu thuẫn, bức xúc với chính quyền địa phương.

- Một số ĐTV cao tuổi là tổ trưởng tổ dân phố hoặc trưởng thôn nên việc tiếp cận hộ thuận lợi nhưng thường chủ quan với các yêu cầu nghiệp vụ, thao tác trên thiết bị thông minh chậm. Trong khi đó, các ĐTV trẻ mặc dù có lợi thế về tính chủ động, nắm bắt nghiệp vụ nhanh và sử dụng thiết bị thành thạo nhưng thường gặp khó khăn trong việc tiếp cận địa bàn và tiếp xúc hộ.

- Việc sử dụng thiết bị của ĐTV với nhiều chủng loại đã dẫn đến những khó khăn trong việc hướng dẫn sử dụng và sửa các lỗi do thiết bị gây ra. Trong quá trình điều tra, chương trình CAPI được cập nhật nhiều lần do có nhiều tình huống mới phát sinh, điều này cũng gây những khó khăn nhất định cho ĐTV. Ngoài ra, lực lượng hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin còn quá mỏng so với tổng số ĐTV nên việc hỗ trợ tại nhiều thời điểm là quá tải.

- Dữ liệu Tổng điều tra năm 2019 có dung lượng lớn nên trong giai đoạn cuối của quá trình thu thập thông tin tại địa bàn, khi tiến độ điều tra đạt trên 80%, đã xảy ra tình trạng quá tải; Trang Web điều hành nhiều khi bị gián đoạn ảnh hưởng đến công tác kiểm tra và hoàn thiện lỗi.

- Trong quá trình điều tra thu thập thông tin tại địa bàn, một số địa phương gặp các rủi ro làm ảnh hưởng đến việc thực hiện Tổng điều tra năm 2019 như: xảy ra mưa lớn, mưa đá ảnh hưởng đến đi lại; một số ĐTV bị tai nạn giao thông trong lúc di chuyển tới lớp tập huấn và đến các hộ điều tra; nhiều trường hợp ĐTV bị mất và bị hỏng thiết bị di động sử dụng cho điều tra.

- Trong thời gian điều tra, một số địa phương bị ảnh hưởng bởi dịch tả lợn Châu Phi nên việc tiếp cận đối tượng điều tra đang sinh sống tại các công ty, trang trại chăn nuôi lợn gặp khó khăn. Ngoài ra, lực lượng tham gia Tổng điều tra bị phân tán, gián đoạn do địa phương cần tăng cường lực lượng để dập dịch.

2.3.3.2. Ban Chỉ đạo Tổng điều tra tại các Bộ thu thập thông tin

Bộ Quốc phòng đã thành lập 1.092 tổ điều tra với 3.672 ĐTV tham gia thu thập thông tin tại 1.332 đơn vị điều tra thuộc các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong toàn quân. Bộ Quốc phòng đã phối hợp với BCĐ các cấp tại địa phương để phân chia các địa bàn do Bộ Quốc phòng quản lý và thu thập thông tin nhằm tránh tình trạng điều tra trùng; thường xuyên trao đổi và thống nhất nghiệp vụ với Văn phòng BCĐ TW nhằm thu thập đầy đủ thông tin, tránh điều tra trùng nhân khẩu. Đến ngày 20/4/2019, Bộ Quốc phòng đã thực hiện xong công tác thu thập thông tin tại địa bàn, sớm hơn năm ngày so với quy định. Do đặc thù của Bộ Quốc phòng, công tác thu thập thông tin tại địa bàn được thực hiện theo hình thức phiếu giấy; sử dụng công nghệ quét ảnh và trí tuệ nhân tạo

để mã hóa các phiếu điều tra. Trước khi chuyển giao số liệu, Văn phòng BCĐ TW đã thực hiện kiểm tra dữ liệu của Bộ Quốc phòng và hướng dẫn việc sửa và hoàn thiện dữ liệu. Dữ liệu của Bộ Quốc phòng đã được chuyển giao tới Văn phòng BCĐ TW vào ngày 10/6/2019.

BCĐ Bộ Công an đã chỉ đạo thực hiện Tổng điều tra dân số năm 2019, trong đó thu thập thông tin tại các đơn vị điều tra do Bộ Công an quản lý từ ngày 01/4 đến ngày 10/4/2019, sớm hơn 15 ngày so với thời gian quy định. Do đặc thù của lực lượng vũ trang, Bộ Công an áp dụng phương pháp thu thập bằng phiếu giấy tại 3.164 địa bàn điều tra trên cả nước và nhập tin dữ liệu. Quá trình điều tra đã thực hiện đúng quy định; đối tượng điều tra có tinh thần trách nhiệm cao, hợp tác tốt với ĐTV trong việc kê khai, cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác. Thực hiện đầy đủ công tác kiểm tra, giám sát theo quy định. Trước khi hoàn thiện dữ liệu, Văn phòng BCĐ TW đã phối hợp với BCĐ Bộ Công an kiểm tra, hoàn thiện dữ liệu. Dữ liệu của Bộ Công an đã được chuyển giao tới Văn phòng BCĐ TW vào ngày 11/6/2019.

Ngoài nhiệm vụ thu thập thông tin về nhân khẩu thuộc phạm vi quản lý, Bộ Công an đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đảm bảo an ninh, an toàn cho cuộc Tổng điều tra năm 2019 trên phạm vi cả nước.

BCĐ Bộ Ngoại giao đã chỉ đạo 94 cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài thực hiện nghiêm túc công tác Tổng điều tra năm 2019. Công tác thu thập thông tin được thực hiện từ ngày 01 đến ngày 15/4/2019 (theo giờ Việt Nam), hoàn thành sớm hơn 15 ngày so với thời gian quy định. Bộ Ngoại giao thực hiện thu thập thông tin bằng phiếu điều tra điện tử nên công tác kiểm tra lô-gic phiếu điều tra được bảo đảm chất lượng. Số liệu Tổng điều tra năm 2019 đã được chuyển giao tới BCĐ TW vào ngày 25/4/2019. Bộ Ngoại giao là đơn vị hoàn thành dữ liệu Tổng điều tra năm 2019 sớm nhất.

2.4. Giám sát, kiểm tra, xử lý và tổng hợp số liệu

Tổng điều tra năm 2019 ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong giai đoạn thu thập thông tin tại địa bàn, do vậy công tác giám sát, kiểm tra và xử lý số liệu được thực hiện song song với thời gian thu thập thông tin tại địa bàn và tiếp tục được thực hiện sau khi hoàn thành giai đoạn thu thập thông tin.

Với việc ứng dụng Trang Web điều hành trong công tác giám sát, Tổng điều tra năm 2019 đã tạo bước cải tiến đột phá trong công tác điều tra thống kê nói chung và công tác giám sát, kiểm tra nói riêng. Có thể nói, đây là cuộc điều tra thống kê đầu tiên có đầy đủ thông tin về tiến độ, số lượng, chất lượng phiếu điều tra của từng địa bàn, từng ĐTV song song với thời gian thu thập thông tin, qua đó giúp BCĐ và GSV các cấp nắm bắt thông tin kịp thời và có kế hoạch chỉ đạo, điều phối phù hợp nhằm đảm bảo chất lượng và tiến độ Tổng điều tra.

2.4.1. Giám sát, kiểm tra dữ liệu trong quá trình thu thập thông tin tại địa bàn

Tổng điều tra năm 2019 thực hiện hai hình thức giám sát: Giám sát trực tiếp thông qua các đoàn công tác của Trung ương, tỉnh và các giám sát viên tuyến huyện tại địa bàn và giám sát gián

tiếp thông qua Trang Web điều hành của Tổng điều tra. Hoạt động giám sát đã giúp phát hiện được các vướng mắc tại địa bàn điều tra, hỗ trợ trực tiếp ĐTV, kịp thời thông báo với BCĐ TW và BCĐ các cấp tại địa phương để phối hợp giải quyết các khó khăn phát sinh.

Đối với hình thức kiểm tra trên Trang Web điều hành, chương trình phần mềm của hệ thống tự động thông báo các lỗi cần kiểm tra và yêu cầu GSV cấp huyện xác nhận hoặc yêu cầu tổ trưởng và ĐTV hoàn thiện phiếu điều tra để đồng bộ lại lên hệ thống dữ liệu. Một trong những lỗi được yêu cầu xác minh để chấn chỉnh công tác thu thập thông tin trong những ngày đầu là lỗi về thời gian thu thập thông tin tại hộ quá ngắn hoặc nhiều hộ có cùng thông tin định vị địa lý (GPS).

Bên cạnh việc kiểm tra, xử lý các lỗi số liệu do hệ thống tự động cảnh báo trên Trang Web điều hành, GSV các cấp thực hiện việc kiểm tra thông tin trên Trang Web điều hành thông qua các tính năng về báo cáo tiến độ tại từng địa bàn điều tra hoặc tiến độ theo ĐTV để đôn đốc, nhắc nhở các ĐTV thực hiện theo đúng tiến độ; kiểm tra thông tin thông qua bảng số liệu thống kê sơ bộ về tình hình dân số tại địa phương, các bảng dữ liệu chéo về tình hình dân số, nhà ở, học vấn,... để phát hiện và kiểm tra những lỗi nghi vấn, đặc biệt là các lỗi hệ thống nhằm nhắc nhở, chấn chỉnh ĐTV về nghiệp vụ điều tra.

Công việc sửa lỗi phiếu điều tra được thực hiện cùng với quá trình điều tra thu thập thông tin tại địa bàn. Tuy nhiên, tại một số địa phương có số lượng hộ lớn và gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận hộ để xác minh thông tin, việc sửa lỗi phiếu điều tra được tiếp tục thực hiện sau thời gian thu thập thông tin tại địa bàn.

2.4.2. Kiểm tra, hoàn thành cơ sở dữ liệu sau giai đoạn thu thập thông tin tại địa bàn

Do ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thu thập thông tin tại địa bàn, sau khi kết thúc giai đoạn thu thập thông tin, số liệu đã có sẵn và đầy đủ theo các địa bàn điều tra trên máy chủ phục vụ công tác kiểm tra và hoàn thiện cơ sở dữ liệu của Tổng điều tra. Công tác kiểm tra, hoàn thiện dữ liệu sau giai đoạn thu thập thông tin tại địa bàn được thực hiện theo ba bước như sau:

Bước 1: BCĐ các cấp tại địa phương kiểm tra, hoàn thiện dữ liệu thông qua Trang Web điều hành từ ngày 03/5/2019 đến hết ngày 10/6/2019. Riêng các thông tin về lao động việc làm được BCĐ các cấp tại địa phương tiếp tục kiểm tra và thực hiện ghi mã ngành, mã nghề trực tiếp trên Trang Web điều hành đến hết ngày 31/7/2019.

Bước 2: BCĐ TW thực hiện kiểm tra, xác minh đối với các BCĐ tại địa phương để hoàn thiện dữ liệu phiếu điều tra toàn bộ.

Ngay sau khi khóa tính năng kiểm tra, sửa lỗi phiếu và hoàn thiện cơ sở dữ liệu của Tổng điều tra trên Trang Web điều hành vào ngày 10/6/2019, dữ liệu được chuyển đổi sang hệ thống quản lý SQL và SPSS phục vụ việc kiểm tra và hoàn thiện cơ sở dữ liệu từ ngày 11 đến ngày 27/6/2019 tại cấp Trung ương.

Kết quả Tổng điều tra năm 2019 của ba Bộ: Quốc phòng, Công an và Ngoại giao được hòa vào dữ liệu chung để tổng hợp và biên soạn các chỉ tiêu thống kê phục vụ báo cáo kết quả sơ bộ của Tổng điều tra. Báo cáo các kết quả sơ bộ của Tổng điều tra đã được hoàn thành và công bố vào ngày 11/7/2019. Như vậy, chỉ sau hai tháng kết thúc công tác thu thập thông tin tại địa bàn, dữ liệu Tổng điều tra năm 2019 đã được hoàn thiện phục vụ cho tổng hợp, phân tích số liệu. So với Tổng điều tra năm 2009, số liệu Tổng điều tra năm 2019 đã được kiểm tra và hoàn thiện sớm hơn một năm.

Bước 3: BCD TW thực hiện kiểm tra, xác minh đối với các BCD tại địa phương để hoàn thiện dữ liệu phiếu điều tra mẫu.

Sau khi hoàn thiện công tác ghi mã ngành, mã nghề, dữ liệu về tình hình lao động và việc làm đã được hòa vào dữ liệu của Tổng điều tra phục vụ kiểm tra, hoàn thiện thông tin phiếu điều tra mẫu. Dữ liệu toàn bộ của Tổng điều tra (bao gồm thông tin của phiếu toàn bộ và phiếu mẫu) được tổng hợp, biên soạn phục vụ báo cáo kết quả chính thức Tổng điều tra năm 2019. Công tác xử lý và tổng hợp số liệu kết thúc vào giữa tháng 11/2019. Báo cáo kết quả Tổng điều tra năm 2019 được biên soạn và công bố vào tháng 12/2019.